



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

19

Tháng 10 - 2012

Đoàn Đại biểu cấp cao Đảng Cộng sản Cuba thăm và làm việc tại Bộ Xây dựng

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2012



Toàn cảnh buổi hội đàm giữa hai bên



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam chụp ảnh lưu niệm với Đoàn Đại biểu cấp cao Đảng Cộng sản Cuba

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BA

19

SỐ 19- 10/2012

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn 5
- Quyết định số 1393/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 6
- Quyết định số 1396/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 7
- Quyết định số 1427/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2012-2015 10
- Quyết định số 1438/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng đến năm 2025 11
- Chỉ thị số 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương 12

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn tỉnh Yên Bái 14



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: Hướng dẫn bảo vệ môi trường trong 16 sản xuất gốm sứ xây dựng
- Hội nghị thẩm định Đề án “Quy hoạch hệ thống thoát 17 nước và xử lý nước thải khu dân cư, khu công nghiệp (KCN) thuộc lưu vực sông Cầu đến năm 2030”
- Hiện trạng công tác bê tông trong xây dựng kết cấu 19 hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực xây dựng ở Việt Nam
- Tương lai của năng lượng mặt trời 25
- Những khó khăn trong quản lý năng lực doanh nghiệp 27 khảo sát thiết kế và kiến nghị giải quyết

Thông tin

- Đoàn đại biểu cấp cao Đảng Cộng sản Cuba đến 30 thăm và làm việc tại Bộ Xây dựng
- Tổng hội Xây dựng Việt Nam kỷ niệm 30 năm xây dựng và phát triển, đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Ba
- Lễ khen thưởng thành tích Quy hoạch chung xây dựng 33 Thủ đô Hà Nội
- Cải cách thuế bất động sản của Trung Quốc - tiến 34 trình và thách thức
- Chính sách nhà ở của Belarusia 36
- Tàu điện cao tốc tại các thành phố lớn của Nga 41
- “Xây dựng xanh” tại Nga 43
- Tình hình xây dựng môi trường và cảnh quan kiến trúc 45 đô thị sau động đất của Huyện Vần Xuyên, Tứ Xuyên - Trung Quốc



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn

Ngày 08/10/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Quyết định này quy định chính sách hỗ trợ về đào tạo, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, định mức lao động, tiền thuê đất, nguồn vốn hỗ trợ và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan đến việc tổ chức thực hiện chính sách này.

Đối tượng áp dụng của Quyết định này bao gồm các công ty TNHH một thành viên nông, lâm, thủy sản do Nhà nước làm chủ sở hữu; Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ; hợp tác xã; các doanh nghiệp ngoài Nhà nước (bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (gọi chung là đơn vị sử dụng lao động) có sử dụng lao động là người thiểu số cư trú hợp pháp trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên, khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Theo Quyết định này, Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn (sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng) với mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học (mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế), cho việc đào tạo nghề đối với lao động phổ thông là người dân tộc thiểu số, đủ điều kiện tuyển dụng vào làm việc theo yêu cầu phải đào tạo trọng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo của đơn vị sử dụng lao động.

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ nộp thay đơn vị sử dụng lao động tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho lao động là người dân tộc thiểu số được tuyển dụng mới hoặc ký hợp đồng lao động trong thời gian 05 năm, đồng thời đơn vị sử dụng lao động được áp dụng định mức lao động bằng 80% định mức lao động chung của đơn vị để khoán hoặc trả công cho người lao động là người dân tộc thiểu số trong thời gian 05 năm đối với mỗi lao động là người dân tộc thiểu số. Ngoài ra, đơn vị sử dụng lao động có sử dụng từ 30% đến dưới 50% lao động là người dân tộc thiểu số so với tổng số lao động làm việc tại đơn vị được giảm 50% tiền thuê đất trong năm đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai; đơn vị sử dụng lao động có từ 50% số lao động là người dân tộc thiểu số so với tổng số lao động có mặt làm việc thường xuyên tại đơn vị được miễn 100% tiền thuê đất đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí về đào tạo, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và 20% định mức lao động chung của đơn vị để khoán hoặc trả công cho người lao động là người dân tộc thiểu số. Kinh phí hỗ trợ đào tạo được cấp trực tiếp cho đơn vị sử dụng lao động theo kế hoạch đào tạo được UBND cấp tỉnh phê duyệt đối với đơn vị thuộc tỉnh; Bộ, ngành phê duyệt đối với đơn vị thuộc Bộ, ngành; Tập đoàn hoặc Tổng Công ty 91

phê duyệt đối với đơn vị trực thuộc.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2012 và thay thế Quyết định số 75/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là

người dân tộc thiểu số cư trú hợp pháp tại các tỉnh Tây Nguyên.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 1393/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh

Ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.

Chiến lược đề ra quan điểm: tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; tăng trưởng xanh phải do con người và vì con người, góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; tăng trưởng xanh dựa trên tăng cường đầu tư vào bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn tự nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, cải thiện nâng cao chất lượng môi trường, qua đó kích thích tăng trưởng kinh tế; tăng trưởng xanh phải dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ hiện đại, phù hợp với điều kiện Việt Nam; tăng trưởng xanh là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; nghiên cứu, ứng dụng ngày càng rộng rãi công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo ra nhiều việc làm từ các ngành

công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, đầu tư vào vốn tự nhiên, phát triển hạ tầng xanh.

Một trong những nhiệm vụ của Chiến lược là giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Cụ thể trong giai đoạn 2011-2020 là giảm cường độ phát thải khí nhà kính 8-10% so với mức 2010, giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP 1-1,5% mỗi năm; giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 10% đến 20% so với phương án phát triển bình thường. Trong đó mức tự nguyện khoảng 10%, 10% còn lại mức phấn đấu khi có thêm hỗ trợ quốc tế.

Định hướng đến năm 2030 sẽ giảm mức phát thải khí nhà kính mỗi năm ít nhất 1,5-2%, giảm lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng từ 20%-30% so với phương án phát triển bình thường. Trong đó mức tự nguyện khoảng 20%, 10% còn lại là mức khi có thêm hỗ trợ quốc tế. Đến năm 2050 định hướng giảm phát thải khí nhà kính mỗi năm 1,5%-2%.

Bên cạnh đó, Chiến lược cũng đề ra nhiệm vụ về xanh hóa sản xuất, thực hiện "công nghiệp hóa sạch" thông qua việc rà soát, điều chỉnh các quy hoạch ngành hiện có, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị đảm bảo nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên, tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm. Những tiêu chí chủ yếu đến năm 2020 gồm: Giá trị sản phẩm ngành công

nghe cao, công nghệ xanh trong GDP là 42-45%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường là 80%, áp dụng công nghệ sạch hơn 50%, đầu tư phát triển các ngành hỗ trợ bảo vệ môi trường và làm giàu vốn tự nhiên phấn đấu đạt 3-4% GDP.

Về xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững, Chiến lược đề ra việc kết hợp nếp sống đẹp truyền thống với những phương tiện văn minh hiện đại để tạo nên đời sống tiện nghi, chất lượng cao mang đậm bản sắc dân tộc cho xã hội Việt Nam hiện đại. Thực hiện đô thị hóa nhanh, bền vững, duy trì lối sống hòa hợp với thiên nhiên ở nông thôn và tạo lập thói quen tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập. Đến năm 2020, tỷ lệ đô thị loại III có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn là 60%, với đô thị loại IV, loại V và các làng nghề là 40%, cải thiện môi trường khu vực bị ô nhiễm nặng đạt 100%, tỷ lệ chất thải được thu gom, xử lý tiêu chuẩn theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg, diện tích cây xanh đạt tương ứng tiêu chuẩn đô thị, tỷ trọng dịch vụ vận tải công cộng ở đô thị lớn và vừa đạt 35-45%, tỷ lệ đô thị lớn và vừa đạt tiêu chí đô thị xanh phấn đấu đạt 50%.

Chiến lược cũng đề ra các giải pháp thực hiện, bao gồm: Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức, khuyến khích hỗ trợ; Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động

sản xuất, vận tải và thương mại; Thay đổi cơ cấu nhiên liệu trong công nghiệp và giao thông vận tải; Đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của quốc gia; Giảm phát thải khí nhà kính thông qua phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp; Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành sản xuất, dần hạn chế những ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới; Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên; Thúc đẩy các ngành kinh tế xanh phát triển nhanh để tạo thêm việc làm, nâng thu nhập, làm giàu thêm nguồn vốn tự nhiên; Phát triển kết cấu hạ tầng bền vững gồm hạ tầng giao thông, năng lượng, thủy lợi và các công trình xây dựng đô thị; Đổi mới công nghệ, áp dụng phổ biến sản xuất sạch hơn; Đô thị hóa bền vững; Thúc đẩy tiêu dùng bền vững và xây dựng lối sống xanh; Huy động nguồn lực thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh; Tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về tăng trưởng xanh...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 1396/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025

Ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1396/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025.

Theo Quyết định này, phạm vi nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang có tổng diện tích khoảng 26.547ha, bao gồm: Thành phố Nha Trang hiện nay với diện

tích tự nhiên 25.260 ha và khoảng 1.287 ha thuộc 2 xã Diên An và Diên Toàn của huyện Diên Khánh.

Về tính chất đô thị, Thành phố Nha Trang được xác định là một trong những trung tâm du lịch, trung tâm tổ chức sự kiện có ý nghĩa quốc gia và quốc tế; trung tâm kinh tế, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo và y tế của vùng Duyên

Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên; trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Khánh Hòa; có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

Theo Quy hoạch điều chỉnh, đến năm 2015, dân số toàn thành phố Nha Trang khoảng 560.000 người, trong đó dân số nội thành khoảng 415.000 người; đến năm 2025, dân số toàn thành phố khoảng 630.000 người, trong đó dân số nội thành khoảng 560.000 người.

Quy mô đất xây dựng đô thị của thành phố Nha Trang đến năm 2025 khoảng 5.500 ha, bình quân 122m²/người.

Về cấu trúc đô thị và phân khu chức năng, theo Quy hoạch, thành phố Nha Trang có các khu trung tâm, các trục phát triển đô thị và các khu chức năng. Cụ thể:

- Các khu trung tâm bao gồm: khu trung tâm hành chính tỉnh Khánh Hòa được quy hoạch mới tại khu vực đô thị sinh thái phía Nam đường Phong Châu, quy mô khoảng 35ha; khu trung tâm hành chính thành phố hiện hữu; khu trung tâm văn hóa nằm ở ven biển, dọc theo đường Trần Phú với quy mô khoảng 20 ha và tại khu đô thị sinh thái phía Nam đường Phong Châu, quy mô 10ha; khu trung tâm thể dục - thể thao được xây dựng mới tại khu vực Núi Đất - Phước Đồng, quy mô diện tích khoảng 60ha; các khu trung tâm y tế có tổng diện tích khoảng 72 ha: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa, Bệnh viện sản nhi Khánh Hòa, Bệnh viện Quân - Dân y Khánh Hòa, Bệnh viện Quân đội; Bệnh viện Lê Hồng Phong, Bệnh viện Da liễu và Ung bướu, Trung tâm y tế tại khu Vĩnh Hòa - Vĩnh Hải, Bệnh viện Đa khoa quốc tế Nha Trang, Bệnh viện kỹ thuật cao Olympic, Bệnh viện mắt Sài Gòn - Nha Trang và các phòng khám khu vực tại các phường Vĩnh Phước, Phương Sài, Tân Lập, Phước Long, Phước Tiến; các trung tâm giáo dục - đào tạo khoảng 110 ha, bao gồm: Trung tâm giáo dục chuyên nghiệp tại khu vực Hòn Nghê, Trường Đại học Nha Trang, Trường Trung cấp Kinh tế; Trường Chính trị, Trường Đại

học Dân tộc, Trường Trung học Kỹ thuật, Trường Cao đẳng Sư phạm...; các trung tâm thương mại chính tại khu vực Chợ Đầm (6ha) và trong trung tâm đô thị hiện hữu, ngoài ra có 2 khu vực trung tâm mới tại khu vực sân bay Nha Trang hiện nay và trong khu đô thị hành chính, sinh thái phía Nam đường Phong Châu; các trung tâm đa năng là trục chính đô thị với chức năng sử dụng khuyến khích đa dạng và linh hoạt, đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển của thành phố, không gây ô nhiễm môi trường.

Các trục phát triển đô thị gồm: trục đô thị ven biển, trục đô thị dọc sông Cái, trục đô thị chạy dọc khu đô thị sinh thái phía Nam đường Phong Châu, các trục đô thị dọc theo các tuyến đường hướng biển.

Các khu chức năng bao gồm: khu đô thị ven biển với quy mô đất xây dựng đô thị 2.740ha, quy mô dân số dự báo 245.000 người, chiều cao xây dựng tối đa 40 tầng, mật độ xây dựng khoảng 40%, ưu tiên cho các hoạt động du lịch, dịch vụ; khu đô thị sinh thái phía Nam đường Phong Châu có quy mô đất xây dựng đô thị 350ha, dân số dự báo 14.000 người, không khống chế tầng cao xây dựng đối với các khu đất xây dựng khu trung tâm thương mại, trong các khu vực còn lại tầng cao tối đa 15 tầng, mật độ xây dựng khoảng 15%; khu đô thị tiếp giáp với phía Tây khu đô thị ven biển (khu vực Hòn Nghê, khu Đất Lành - phía Tây Nam núi Giáng Hương và khu Phước Đồng - Sông Lô) có quy mô đất xây dựng đô thị 1250ha, quy mô dân số 98.000 người, mật độ xây dựng khoảng 35%, tầng cao tối đa 15 tầng; khu đô thị phía Bắc đường 23-10 khoảng 100ha, xây dựng khu đô thị sinh thái sông - nước gắn kết với các cấu trúc làng xóm hiện hữu được cải tạo nâng cấp, quy mô dân số khoảng 5.000 người, mật độ xây dựng 20%, tầng cao tối đa trong khu chức năng phát triển mới là 15 tầng, trong khu vực làng xóm hiện hữu là 6 tầng; khu đô thị phía Nam đường 23-10 và các khu vực giáp thị trấn Diên Khánh: nâng cấp, cải tạo các cấu trúc

làng xóm hiện hữu, giữ tối đa các không gian sinh thái nông nghiệp, bổ sung một số chức năng đô thị mới tại những vị trí dọc trục đường mới nối từ đường Cao Bá Quát (Nha Trang) đến cầu Lùng (Diên Khánh), diện tích đất xây dựng các khu chức năng đô thị khoảng 275ha, quy mô dân số 19.000 người, mật độ xây dựng 30%, tầng cao tối đa trong khu chức năng phát triển mới là 15 tầng, trong khu vực làng xóm hiện hữu là 6 tầng; khu vực vịnh Nha Trang được kiểm soát theo các khu chức năng, gồm: Khu vực bảo vệ, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên hoang sơ ở phía Đông Vịnh; khu vực phục hồi và bảo tồn rừng; các khu vực tập trung phát triển du lịch, dịch vụ du lịch khép kín. Tổng diện tích đất xây dựng các khu chức năng trên các đảo khoảng 185ha, quy mô dân số 9.500 người, mật độ xây dựng khoảng 5%, tầng cao tối đa 5 tầng; khu vực dự trữ phát triển ở khu vực phía Bắc sông Cái và nằm hai bên quốc lộ 1A. Phát triển khu vực ngoại thành đạt tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, duy trì và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, kết hợp với các hoạt động du lịch sinh thái.

Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2025, đất xây dựng đô thị của thành phố Nha Trang trong vùng lõi đô thị là 5.000 ha, bao gồm đất ở: 2.350 ha; đất công trình công cộng cấp đô thị và vùng: 150ha; đất cây xanh, thể dục - thể thao cấp đô thị và vùng: 140ha; đất cơ quan, trường chuyên nghiệp: 250ha; đất công nghiệp, công nghệ cao, tiểu thủ công nghiệp: 430 ha; đất dịch vụ du lịch, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khác: 960ha; đất tôn giáo, di tích, danh thắng: 60ha; đất giao thông đô thị và giao thông đối ngoại: 850ha. Đất khác trong khu vực định hướng quy hoạch nội thành khoảng 12.133ha, bao gồm đất quốc phòng, an ninh, đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đất thủy lợi và truyền dẫn năng lượng, nghĩa trang, nghĩa địa, sông suối, mặt nước...

Theo Quy hoạch này, việc thiết kế đô thị thành phố Nha Trang phải đảm bảo các

nguyên tắc chung là: Tập trung phát triển đô thị du lịch vươn lên tầm quốc tế; tạo bản sắc đô thị từ đặc điểm cảnh quan thiên nhiên: hệ thống mặt nước biển - vịnh - sông, khu vực đồng trũng, núi - đảo, đồng bằng ven biển, các khu vực sinh thái nông nghiệp; phát triển cấu trúc đô thị phù hợp với điều kiện văn hóa xã hội: nâng cấp, cải tạo và khai thác các khu đô thị hiện hữu, tăng cường khả năng giao lưu và sức hấp dẫn của khu đô thị du lịch, thông qua hệ thống không gian công cộng, quảng trường.

Trong Quy hoạch này, từ nay đến năm 2015, thành phố Nha Trang sẽ tập trung cải tạo, nâng cấp các khu đô thị hiện hữu và hoàn thiện các khu vực đã giao đất thực hiện dự án. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trong quy hoạch xây dựng đợt đầu đến năm 2015 bao gồm: xây dựng các đơn nguyên của trạm xử lý nước thải và hệ thống thoát nước thải theo dự báo phát triển của từng giai đoạn; xây dựng công viên sinh thái công cộng và các khu chức năng đô thị tại khu vực Đồng Bò; cải tạo khu vực Chợ Đầm đến Sông Cái; các dự án hoàn thiện công viên ven biển tạo nhiều không gian quảng trường với cây xanh; các dự án cải tạo các khu chức năng thuộc phường Phước Tiến; các dự án chuyển đổi chức năng trong khu đô thị trung tâm; khôi phục rừng ngập mặn tại khu vực Đầm Bấy; phát triển khu bảo tồn sinh cảnh tại Đầm Tre; cải tạo, nâng cấp cảng Nha Trang, xây dựng tổ hợp công trình dịch vụ gắn với cảng; kết hợp với các dự án nâng cấp, phát triển đô thị để hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa.

Theo Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang được duyệt; lập và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc toàn đô thị; công bố công khai đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nha Trang được duyệt; tổ chức rà soát việc lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi

tiết, thiết kế đô thị, để cụ thể hóa Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang; quản lý chặt chẽ quỹ đất xây dựng, đảm bảo khai thác hiệu quả quỹ đất phát triển thành phố, quản lý và sử dụng đất theo đúng các quy định của pháp luật về đất đai.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 1427/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2012-2015

Ngày 02/10/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1427/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2012-2015.

Theo đó, có mục tiêu tổng quát của Chương trình nhằm: Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình theo chiều sâu, dỡ bỏ các rào cản, tạo bước chuyển biến đột phá trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng cuối cùng, tập trung vào các lĩnh vực: Sản xuất công nghiệp; công trình xây dựng sử dụng nhiều năng lượng; giao thông vận tải; hoạt động dịch vụ, hộ gia đình; phổ biến phương tiện, thiết bị hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng; Thông qua các hoạt động của Chương trình, đạt được mục tiêu về tổng mức tiết kiệm năng lượng tính chung cho cả nước và cho riêng từng lĩnh vực tiêu thụ nhiều năng lượng, mang lại lợi ích về kinh tế - xã hội; góp phần giảm đầu tư cho phát triển hệ thống cung ứng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường; khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên năng lượng, thực hiện phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Chương trình đề ra các mục tiêu cụ thể, gồm:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến đại bộ phận người dân, các cơ quan, công sở; xây dựng ý thức thực hiện thường xuyên sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường.

- Đạt mức tiết kiệm từ 5 - 8% tổng mức tiêu thụ năng lượng của cả nước trong giai đoạn 2012 - 2015 so với dự báo nhu cầu năng lượng theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tương đương từ 11 triệu TOE (tấn dầu tương đương) đến 17 triệu TOE trong giai đoạn 2012-2015.

- Hình thành mạng lưới thực thi Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, triển khai chương trình tiết kiệm năng lượng ở các cấp trung ương và địa phương; tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ quản lý năng lượng cho hơn 2.000 người thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp và khoảng 500 người trong lĩnh vực quản lý sử dụng các công trình xây dựng; đào tạo, cấp chứng chỉ kiểm toán năng lượng cho khoảng 200 người.

- Sử dụng rộng rãi các trang thiết bị có hiệu suất cao, thay thế dần các trang thiết bị có hiệu suất thấp, tiến tới loại bỏ các trang thiết bị có công nghệ lạc hậu. Áp dụng các tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật tiên tiến nhằm cải thiện hiệu suất năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; đạt mức giảm ít nhất 10% cường độ năng lượng của các ngành sử dụng nhiều năng lượng, trong đó:

+ Ngành xi măng giảm mức tiêu hao năng lượng trên 1 tấn xi măng từ 97 kgOE năm 2011 xuống 87 kgOE vào năm 2015;

+ Ngành thép: Giảm mức tiêu hao năng lượng bình quân để sản xuất 01 tấn thép thành phần từ mức 179 kgOE năm 2011 xuống còn 160 kgOE vào năm 2015;

+ Ngành dệt may: Giảm mức tiêu hao năng lượng bình quân để sản xuất 01 tấn sợi năm 2011 là 773 kgOE xuống còn 695 kgOE vào năm 2015.

- Thực hiện việc quản lý bắt buộc theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam “Các công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” từ năm 2012, đối với 100% các tòa nhà xây dựng mới hoặc cải tạo có quy mô thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn. Triển khai các giải pháp công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong chiếu sáng công cộng, áp dụng chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng cho 100% công trình chiếu sáng công cộng xây dựng mới;

- Phát triển hệ thống giao thông vận tải đáp ứng nhu cầu vận tải với chất lượng ngày càng cao, tiết kiệm nhiên liệu, hạn chế gây ô nhiễm

môi trường. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, sử dụng năng lượng tái tạo thay thế nhiên liệu truyền thống trong giao thông vận tải. Phấn đấu đến năm 2015 vận tải hành khách công cộng đáp ứng được từ 10 - 15% nhu cầu đi lại tại các đô thị lớn.

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2012-2015 là 930 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách Trung ương: 350 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển: 80 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 270 tỷ đồng); vốn ngân sách địa phương: 300 tỷ đồng; vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế và nước ngoài: 180 tỷ đồng; vốn khác 100 tỷ đồng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 79/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.gov.vn)

**Quyết định số 1438/QĐ-TTg của Thủ tướng
Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung
xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố
Hải Phòng đến năm 2025**

Ngày 03/10/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1438/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng đến năm 2025.

Theo Quyết định này, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải là khu kinh tế tổng hợp nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng và vùng duyên hải Bắc Bộ. Đây là một trung tâm kinh tế biển, đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm kinh tế hàng hải (trọng tâm phát triển dịch vụ cảng), trung tâm công nghiệp, dịch vụ tài chính, ngân hàng, du lịch, thương mại có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện

đại, đồng bộ, gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Phạm vi lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng gồm các xã thuộc khu vực Bến Rừng của huyện Thủy Nguyên (các xã Trung Hà, Thủy Triều, An Lư, Ngũ Lão, Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ, Tân Hưng và một phần thuộc địa bàn các xã: Tân Dương, Thủy Sơn, Dương Quan, Thủy Đường, nằm trong phạm vi quy hoạch Dự án Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng), toàn bộ đảo Vũ Yên; phường Tràng Cát thuộc quận Hải An, bán đảo Đình Vũ thuộc quận Hải An; đảo Cát Hải thuộc huyện Cát Hải.

Tổng diện tích khu vực lập quy hoạch là 22.140 ha; dân số năm 2010 là 106.823 người, dự báo đến năm 2025 là 310.000 người.

Về định hướng phát triển không gian, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải sẽ được mở rộng chức năng cảng trên cơ sở xây dựng mới, mở rộng lấn biển, cải tạo luồng tàu; phân cách hợp lý giữa khu dân cư đô thị với hệ thống cảng và khu công nghiệp bằng mạng lưới mặt nước và cây xanh; bố trí các khu dân cư đô thị gần nơi làm việc, đồng thời xây dựng mạng lưới giao thông kết nối với các khu cảng, công nghiệp và dịch vụ. Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải sẽ có 2 khu chức năng chính là khu phi thuế quan và thuế quan cùng với hệ thống cảng, các khu công nghiệp, kho tàng, các trung tâm phục vụ công cộng, trung tâm chuyên ngành (giáo dục, y tế, nghỉ dưỡng...), các khu đô thị và khu dân cư.

Các trục không gian chủ đạo thu hút các hoạt động đô thị của Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải gồm: Trục trung tâm đô thị tại Tràng Cát, Nam sân bay Cát Bi và 3 trục đường chính tại khu vực Bến Rừng (trục từ trung tâm Khu kinh tế qua sông Cấm đến vành đai 2, trục từ đảo Vũ Yên đến vành đai 2 và trục từ trung tâm khu đô thị Bắc sông Cấm đến ga đường sắt đô thị). Hình thành một số trục cảnh quan kết nối hài hòa với hệ thống sông, hồ, kênh và dải cây xanh ven biển tạo cảnh quan và thu hút các

hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng của Khu kinh tế. Các trọng điểm của Khu kinh tế là các nhà ga đường sắt đô thị, khu trọng điểm thương mại Tây Bắc đảo Vũ Yên, khu trung tâm thương mại văn phòng Nam sân bay Cát Bi, khu giải trí Nam Tràng Cát. Các khu vực cảnh quan thiên nhiên đặc trưng trong Khu kinh tế bao gồm công viên đảo Vũ Yên, các không gian cây xanh quy mô lớn gồm đảo Cát Hải, đảo Vũ Yên, công viên Bến Rừng, công viên Hồ Đông, các vùng cây xanh sinh thái, cây xanh cách ly khác.

Theo Quy hoạch, từ nay đến năm 2015 ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và tuyến đường bộ huyết mạch của Khu kinh tế, xây dựng các khu tái định cư, xây dựng cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (cảng Lạch Huyện), triển khai các dự án khu đô thị, khu công nghiệp tập trung, gồm có khu Nam Đình Vũ, Khu đô thị Bắc sông Cấm, trục đường 50, Khu Bến Rừng, khu đô thị mới Nam Cát Bi, khu công viên du lịch đảo Vũ Yên.

Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ giao UBND thành phố Hải Phòng tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải theo quy định.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Chỉ thị số 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương

Ngày 10/10/2012, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 27/CT-TTg yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương nhận thức đúng tác động bất lợi do nợ đọng xây dựng cơ bản (XD CB) gây ra, tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để xử lý, khắc phục tình trạng nợ đọng XD CB tại các địa phương. Cụ thể:

- Xử lý nợ đọng XD CB là một nội dung quan trọng của tái cơ cấu đầu tư công và lập lại kỷ

cương trong đầu tư XD CB; đồng thời, là một trong các giải pháp để ổn định tài chính vĩ mô, bảo đảm tăng trưởng kinh tế bền vững.

- Xử lý nợ đọng XD CB thực hiện theo đúng quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

- Từng địa phương phải kiểm điểm, xác định

rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan (gắn với trách nhiệm cá nhân) trong việc để phát sinh nợ đọng XDCB trong thời gian qua. Đồng thời, phải tự cân đối các nguồn vốn để xử lý dứt điểm tình trạng nợ đọng XDCBn.

Tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương triển khai các giải pháp để xử lý nợ đọng XDCB của khối lượng đã thực hiện tính đến ngày 31/12/2011, bao gồm:

- Rà soát, thống kê, phân loại nợ đọng, xác định cụ thể nguyên nhân của từng khoản nợ đọng; trên cơ sở đó có kế hoạch và lộ trình xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB một cách công khai, công bằng và tổ chức thực hiện nghiêm túc, triệt để.

- Việc xử lý nợ đọng XDCB được tiến hành dần theo lộ trình từng năm và thứ tự ưu tiên hợp lý. Các địa phương xây dựng phương án xử lý nợ đọng XDCB bằng nguồn vốn của ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác, bảo đảm đến hết năm 2015 phải hoàn thành việc xử lý nợ đọng XDCB.

- Từ năm 2013, phải ưu tiên bố trí vốn để xử lý nợ đọng XDCB trong kế hoạch phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách địa phương và coi đây là chỉ tiêu bắt buộc trong quy trình tổng hợp, bố trí và giao kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách địa phương; bảo đảm hàng năm trước ngày 20/5 phải xử lý được ít nhất 30% khối lượng nợ đọng XDCB. Việc bố trí vốn cho các dự án mới chỉ được thực hiện sau khi đã bố trí đủ vốn để xử lý nợ đọng theo kế hoạch. Những địa phương nợ đọng XDCB lớn thì không được bố trí vốn cho việc khởi công mới các dự án; đồng thời, phải thực hiện đình hoãn một số dự án để tập trung xử lý nợ đọng XDCB theo Chỉ thị này.

- Các Bộ, địa phương phải chủ động đánh giá, xác định hiệu quả, mức độ hoàn thiện, khả năng khai thác của từng dự án, công trình để thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại đối với những công trình đầu tư dở dang do nợ đọng XDCB: Đối với những

công trình thật sự có hiệu quả, mức vốn hoàn thiện không lớn thì tập trung bố trí vốn đầu tư dứt điểm để đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả; Đối với những công trình có khả năng khai thác từng phần thì hoàn thiện đưa vào sử dụng từng hạng mục theo khả năng nguồn vốn cho phép, các hạng mục còn lại phải kiên quyết đình hoãn; Đối với những công trình dở dang khác, cần có giải pháp xử lý phù hợp (như chuyển đổi hình thức đầu tư) hoặc kiên quyết tạm dừng thực hiện; Định kỳ các địa phương có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả xử lý nợ đọng XDCB về Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Theo Chỉ thị này, để không phát sinh thêm nợ đọng XDCB mới, từ năm 2013, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm nghiêm túc chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng; tuân thủ các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án đầu tư XDCB; chủ động áp dụng các biện pháp xử lý kịp thời để không làm phát sinh nợ đọng XDCB; xác định rõ trách nhiệm và có hình thức kỷ luật nghiêm khắc đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân gây ra nợ đọng XDCB.

Tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ để khắc phục những tồn tại, bất cập dẫn đến phát sinh nợ đọng XDCB, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Chỉ thị này. Bộ Tài chính tổng hợp kết quả thực hiện xử lý nợ đọng XDCB của các địa phương, định kỳ (06 tháng, hàng năm) báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

Ngày 03/10/2012, UBND tỉnh Yên Bái đã có Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh Yên Bái quy định một số nội dung về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và đề án bảo vệ môi trường đơn giản đối với các quy hoạch; kế hoạch; dự án; cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh Yên Bái và UBND các huyện, thành phố, thị xã (UBND cấp huyện) trong toàn tỉnh Yên Bái.

Theo Quy định này, Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án bảo vệ môi trường chi tiết thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh; UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đăng ký cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường đơn giản để xem xét xác nhận.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá môi

trường chiến lược đối với kế hoạch 5 năm trở lên về phát triển kinh tế - xã hội; Chi cục Bảo vệ môi trường là đơn vị giúp việc cho cơ quan thường trực thẩm định trong hoạt động tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và đáp ứng yêu cầu để thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, lựa chọn thành phần Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, gồm đại diện các cơ quan liên quan trực tiếp đến các vấn đề môi trường của kế hoạch, các chuyên gia, các tổ chức liên quan khác để trình UBND tỉnh quyết định thành lập. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược cho UBND tỉnh theo quy định của Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT để xem xét trong quá trình phê duyệt kế hoạch 5 năm trở lên về phát triển kinh tế - xã hội.

UBND tỉnh ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực thẩm định ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đoàn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường; tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án bảo vệ môi trường chi tiết thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của UBND tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu dự án, cơ sở có những thay đổi về công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá

tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt, chủ dự án, cơ sở phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Theo Quy định này, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản của các cơ sở, dự án thực hiện trên địa bàn. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện là cơ quan thường trực đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường. UBND cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được đăng ký và các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trong quá trình dự án, cơ sở thực hiện.

Theo Quy định này, UBND cấp huyện định kỳ 06 tháng một lần gửi báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện: Hoạt động đăng ký và kiểm tra việc thực hiện bản

cam kết bảo vệ môi trường; hoạt động đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản trên địa bàn quản lý theo mẫu quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/01 hàng năm gửi báo cáo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh về việc thực hiện: Hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; hoạt động thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; hoạt động đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường; hoạt động kiểm tra, xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; hoạt động thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; hoạt động thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; hoạt động đăng ký và kiểm tra thực hiện đề án bảo vệ môi trường đơn giản của năm trước trên địa bàn theo mẫu quy định.

(Xem toàn văn tại: www.yenbai.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài: Hướng dẫn bảo vệ môi trường trong sản xuất gốm sứ xây dựng

Ngày 11/10/2012, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu đề tài “Hướng dẫn bảo vệ môi trường (BVMT) trong sản xuất gốm sứ xây dựng” mã số MT 02 - 11 do Trung tâm Thiết bị & An toàn lao động - Viện Vật liệu xây dựng thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của ThS. Nguyễn Thị Tâm - chủ nhiệm đề tài, cùng với sự phát triển của ngành vật liệu xây dựng, các ngành sản xuất gạch ngói, đất sét nung, gạch gốm ốp lát và sứ vệ sinh cũng phát triển nhanh chóng. Để sản xuất các chế phẩm nêu trên, các cơ sở sản xuất cần sử dụng một lượng lớn nhiên liệu hóa thạch và năng lượng điện. Quá trình đốt cháy nhiên liệu ở nhiệt độ cao sẽ phát sinh một lượng lớn khí thải gây ô nhiễm môi trường như SO_2 , CO , NO_x , bụi... Ngoài ra, các khí độc hại còn có thể phát sinh trong quá trình biến đổi đất sét và các chất phụ gia khác. Do đó, các cơ sở sản xuất cần được trang bị những kiến thức phòng ngừa, có những giải pháp giảm thiểu ô nhiễm, tái sử dụng chất thải, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Xuất phát từ nhu cầu thực tế trên, tài liệu “Hướng dẫn BVMT trong sản xuất gốm sứ xây dựng” với mục đích giảm phát sinh khí thải, nâng cao chất lượng môi trường tại các cơ sở sản xuất, đồng thời giảm tác động không tốt của các cơ sở này tới môi trường xung quanh, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng là vô cùng cần thiết. Qua quá trình nghiên cứu nghiêm túc, kết hợp tham khảo nhiều tài liệu trong và ngoài nước, nhóm đề tài đã xây dựng được một tài liệu hướng dẫn BVMT trong lĩnh vực sản xuất gốm sứ xây dựng, đưa ra được những giải pháp



TS. Nguyễn Trung Hòa - Chủ tịch HĐNT phát biểu kết luận Hội nghị

mang tính tổng hợp bao gồm giảm thiểu chất thải đầu nguồn; tuần hoàn, tái sử dụng, xử lý cuối đường ống; các giải pháp quản lý được đúc kết từ thực tế điều tra, khảo sát, đo đạc hiện trạng công nghệ và môi trường của các cơ sở sản xuất. Nội dung sản phẩm đề tài đã khái quát và chi tiết hóa các công nghệ sản xuất của từng loại gạch ngói, gạch đất sét nung, gạch ceramic và granit ... và nguồn phát thải; những tác nhân gây ô nhiễm trong sản xuất (bụi, khí thải, nước thải...); tác hại của các chất gây ô nhiễm như khí SO_2 , CO , CO_2 , NO_2 , tro bụi, bồ hóng, kim loại nặng... cùng những giải pháp xử lý tương thích (thay thế nhiên liệu, sử dụng $CaCO_3$, tối ưu hóa quá trình sấy nung, sử dụng thiết bị hấp thụ...); các số liệu quan trắc và kiểm soát ô nhiễm... Nhóm đề tài còn dày công nghiên cứu tìm tòi và đưa ra một số thiết kế mẫu các hệ thống xử lý khói thải bằng phương pháp hấp thụ, hệ thống xử lý bụi khói thải bằng Xyclon màng nước...

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao tính thực tiễn, tính cấp thiết của đề tài. Các thành viên Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến về từ ngữ chuyên môn, tính nhất quán của câu chữ, nguồn trích dẫn của tài liệu, số liệu viện dẫn để tăng độ tin cậy

của thông tin...và nhất trí nhận xét: Đề tài sau khi bổ sung, chỉnh sửa sẽ hoàn toàn phù hợp mục tiêu đề ra, bước đầu đáp ứng yêu cầu của một tài liệu hướng dẫn BVMT tại các cơ sở, xí nghiệp sản xuất VLXD; và có thể sử dụng như một tài liệu tham khảo trong ngành sản xuất gạch ngói gốm sứ xây dựng.

Kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa - Chủ tịch Hội đồng hoàn toàn nhất trí với các ý kiến phản biện và những ý kiến đóng góp của thành viên Hội đồng; lưu ý nhóm đề tài tiếp thu

Hội nghị thẩm định Đề án “Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu dân cư, khu công nghiệp (KCN) thuộc lưu vực sông Cầu đến năm 2030”

Ngày 9/10/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án “Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu dân cư, khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Cầu đến năm 2030”. Thứ trưởng thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang - Chủ tịch Hội đồng thẩm định đã chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định đại diện cho các Bộ: Xây dựng; Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên & Môi trường; đại diện Hội Cấp thoát nước Việt Nam; các đại biểu đến từ các tỉnh Bắc Kạn, Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc...

Tại Hội nghị, đại diện đơn vị tư vấn (Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị & Nông thôn -VIAP) đã báo cáo tóm tắt nội dung Đề án, sự cần thiết, mục tiêu quy hoạch, phạm vi nghiên cứu cũng như những cơ sở pháp lý của việc lập Đề án.

Theo báo cáo, lưu vực sông Cầu (LVSC) với diện tích tự nhiên 6030 km², chiếm khoảng 2% diện tích cả nước, bao gồm 6 tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương và một phần thành phố Hà Nội (các huyện Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh). Đây là khu vực có vị trí địa lý kinh tế quan trọng, đa

các ý kiến, bổ sung thêm phạm vi, đối tượng áp dụng của tài liệu. TS. Nguyễn Trung Hòa cũng đề nghị nhóm đề tài nghiên cứu cập nhật hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn; nâng cao độ chuẩn xác của các số liệu ...để đề tài được hoàn chỉnh.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lê Minh



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu kết luận Hội nghị

dạng và phong phú về tài nguyên. Trên địa bàn LVSC, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng với một mạng lưới đô thị phát triển như Thái Nguyên (đô thị loại I), Hải Dương (đô thị loại II), Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Yên (đô thị loại III). Toàn khu vực có hơn 2000 cơ sở sản xuất công nghiệp, hơn 200 làng nghề; tuy nhiên hạ tầng kỹ thuật đô thị - đặc biệt là hệ thống thoát nước và xử lý nước thải - không đáp ứng kịp tốc độ đô thị hóa, và trở thành một trong những nguyên nhân chính gây ô nhiễm nguồn nước.

Để đảm bảo phát triển đô thị bền vững, bảo vệ môi trường nước LVSC, đồng thời thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại văn bản số 5181/VPCP-KGVX ngày

26/7/2010, việc lập Đề án là rất cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay, và hoàn toàn phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội; Quy hoạch sử dụng đất;

Đề án “Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu dân cư, khu công nghiệp thuộc lưu vực sông Cầu đến năm 2030” được lập dựa trên Đề án tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái cảnh quan thiên nhiên sông Cầu đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 174/2006/QĐ-TTg; Định hướng Phát triển thoát nước đô thị và KCN Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1930/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Báo cáo của tư vấn cũng đã đưa ra những số liệu cụ thể về hiện trạng thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị chính trong LVSC; theo đó, cho tới thời điểm hiện nay, các tỉnh thành thuộc LVSC đều chưa lập quy hoạch chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải theo vùng tỉnh hoặc vùng liên tỉnh, lưu vực sông, ... riêng thành phố Hà Nội mới lập quy hoạch chuyên ngành thoát nước cho khu vực trung tâm. Nội dung quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải tại các tỉnh thành mới chỉ được nghiên cứu lồng ghép trong quy hoạch xây dựng. Trên cơ sở các đánh giá bao quát toàn bộ hiện trạng thoát nước và xử lý nước thải tại các khu dân cư, KCN tập trung, các làng nghề, mạng lưới cơ sở y tế của từng tỉnh thành... đơn vị tư vấn đã đề ra phương án quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải khu vực LVSC nói chung; đưa ra những đề xuất và kiến nghị cụ thể về cơ chế thực hiện, quản lý thoát nước và xử lý nước thải lưu vực sông; về mô hình quản lý (kiến nghị Chính phủ bổ sung hai mô hình quản lý thoát nước là mô hình quản lý tổng hợp theo lưu vực sông và mô hình quản lý thoát nước có sự tham gia của cộng đồng); mô hình thoát nước ứng phó với biến đổi khí hậu (mô hình thoát nước tập trung và mô hình phân tán); lựa chọn công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt... Theo quy hoạch, các đô

thị mới cần xây dựng hệ thống cống, nước thải riêng; các KCN phải có trạm xử lý nước thải riêng và phải áp dụng công nghệ xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Công nghệ xử lý nước thải tại các làng nghề tùy thuộc vào đặc thù công nghệ sản xuất cũng như đặc trưng của nguồn thải, đồng thời còn cần phù hợp với hiện trạng sản xuất, không gian kiến trúc của làng nghề.

Hai báo cáo phản biện và các ý kiến của các thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá cao tính nghiêm túc, tính thực tiễn của Đề án. Tuy nhiên, để Đề án được hoàn chỉnh, các thành viên Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến về bố cục từ ngữ, về tính cập nhật của một số nội dung trong Đề án, về tính cụ thể của các đánh giá hiện trạng như: Đề án chưa đưa ra được đánh giá cụ thể vấn đề thoát nước và xử lý nước thải của các làng nghề; chưa báo cáo được tình hình thực hiện Quyết định 174/2006/QĐ-TTg, từ đó rút ra những bài học thực tế, đề ra các hướng đi hợp lý cho giai đoạn tiếp theo...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Cao Lại Quang hoàn toàn nhất trí với các ý kiến phản biện cũng như ý kiến của các thành viên, lưu ý đơn vị tư vấn nghiên cứu làm rõ thêm một số vấn đề như nguồn vốn. Thứ trưởng nhấn mạnh: các dự án thoát nước hiện nay chủ yếu vẫn dựa vào vốn ODA, do nguồn nhân lực, vật lực, trình độ quản lý cũng như nhận thức cộng đồng của chúng ta vẫn còn hạn chế; làm rõ hơn những giải pháp, định hướng của quy hoạch, và có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ, ngành liên quan; nâng cao vai trò trách nhiệm của UBND các tỉnh. Thứ trưởng Cao Lại Quang đề nghị VIAP phối hợp chặt chẽ với Cục Hạ tầng Kỹ thuật - Bộ Xây dựng hoàn chỉnh Đề án theo những ý kiến đóng góp của các bộ, ngành ngay trong tháng 10/2012 để trình Thủ tướng phê duyệt trong thời gian sớm nhất.

Lệ Minh

Hiện trạng công tác bê tông trong xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thuộc lĩnh vực xây dựng ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, cùng với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta đã đạt được những bước tiến đáng kể. Cùng với các tiến bộ mới về công nghệ bê tông của các nước trên thế giới và trong khu vực, Việt Nam đã làm chủ nhiều công nghệ thi công bê tông tiên tiến.

Với sự ra đời của các thế hệ phụ gia hóa học và phụ gia khoáng mới, tính năng của bê tông ngày càng được nâng cao và cải thiện. Các tiến bộ khoa học công nghệ của ngành cơ khí, tự động hóa đã giúp công nghệ thi công bê tông tại Việt Nam đã đạt được các giới hạn mới về tính năng bê tông và năng suất thi công. Trong 5 năm trở lại đây, việc sử dụng bê tông có tính năng cao ở Việt Nam đã trở nên quen thuộc. Các loại hình công nghệ thi công bê tông ở Việt Nam trong xây dựng kết cấu hạ tầng hiện nay cũng đa dạng hơn như công nghệ bê tông đầm lăn trong xây dựng thủy điện, thủy lợi; công nghệ thi công mặt đường bê tông xi măng bằng thiết bị liên hợp trong xây dựng giao thông; công nghệ chế tạo sàn bê tông nhẹ ... trong xây dựng dân dụng.

1. Vật liệu sản xuất bê tông

- **Xi măng:** Hiện nay Việt Nam đang sản xuất các loại xi măng poóc lăng (PC), xi măng poóc lăng hỗn hợp (PCB), xi măng poóc lăng bền sulphat, xi măng poóc lăng xỉ, xi măng poóc lăng puzzolan, xi măng poóc lăng trắng, xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt. Trong đó xi măng PC và PCB chiếm khối lượng chủ yếu. Xi măng PC ở Việt Nam có 3 mác: 30, 40, 50; Xi măng PCB có 2 mác 30 và 40. Hai loại xi măng này thường được chế tạo từ clinker mác 50-60. Hiện nay, Việt Nam chủ yếu sử dụng công nghệ sản xuất xi măng theo phương pháp khô và nung bằng lò quay.

- **Phụ gia hóa học:** Trong hơn 20 năm qua, phụ gia hóa học (PGHH) đã được sử dụng rất phổ biến trong sản xuất bê tông ở Việt Nam. Hiện chủng loại PGHH rất đa dạng. Các nhà sản xuất trong và ngoài nước có thể cung cấp cho thị trường các loại phụ gia phù hợp với các loại xi măng khác nhau, phù hợp với nhu cầu thi công, khí hậu vùng, mùa. Chủng loại và chất lượng của các loại phụ gia đang có mặt ở Việt Nam hiện theo gần sát với trình độ thế giới.

Sau các thế hệ phụ gia Lignosulfonate, Naphthalen sulfonate, phụ gia giảm nước mạnh thế hệ 3 trên nền Polycarboxylic đã được sử dụng ở Việt Nam vài năm nay. Với loại phụ gia này, cho phép chế tạo bê tông tự lèn (SCC), bê tông tính năng cao (HPC), bê tông ứng suất trước tại công xưởng mà có thể bỏ qua chung áp và cho phép quay vòng ván khuôn nhanh.

- **Phụ gia khoáng:** Các loại phụ gia puzzolan, phụ gia xỉ hoạt hóa, phụ gia tro bay và tro tuyển được sử dụng khá phổ biến ở Việt Nam nhằm cải thiện tính chất của bê tông, giảm lượng dùng xi măng, giảm thiểu việc tích chứa các phế thải công nghiệp. Việc sử dụng các loại phụ gia khoáng hoạt tính mạnh như Silicafume (SF), Metakaolin (MK) và tro trấu hoạt tính (RHA) của nhà máy nhiệt điện đốt trấu tại các vùng lúa, trong chế tạo bê tông HPC đã bắt đầu được quan tâm và đẩy mạnh.

2. Công nghệ trộn và vận chuyển bê tông

Khối lượng bê tông sản xuất ở Việt Nam ước tính khoảng 50 triệu m³/năm cho cả nước với các phương pháp và cách thức sản xuất khác nhau. Trong đó khoảng 17 triệu m³ bê tông được sản xuất bằng máy trộn các loại.

Các trạm trộn bê tông tùy loại mà sử dụng máy trộn cưỡng bức trục đứng kiểu hành tinh hay cưỡng bức hai trục ngang. Việc tự động hóa và điều khiển trạm trộn được số hóa ở mức tiên

tiến. Công suất máy trộn tại các trạm trộn ở Việt Nam thường có các loại 60m³/h, 80m³/h, 125m³/h. Đặc biệt có một số công trình thủy điện được trang bị máy trộn công suất lên đến 250m³/h cho phép trộn hỗn hợp bê tông rất khô, D_{max} cốt liệu lớn.

Về vận chuyển hỗn hợp bê tông (HHBT), đối với các công trình dân dụng và công nghiệp sử dụng HHBT có độ sụt cao, HHBT được đưa đến công trình bằng xe chở trộn chuyên dụng và được đưa vào khối đổ bằng bơm cần di động. Các máy bơm bê tông di động ở Việt Nam hiện nay có tầm với lên đến gần 60m. Những công trình đòi hỏi phải chuyển HHBT vào khối đổ với khoảng cách xa hoặc độ cao lớn ngoài tầm với của bơm di động thì thường dùng thiết bị bơm tĩnh công suất lớn. Đối với nhà cao tầng hoặc siêu cao tầng, để nâng cao mức độ linh hoạt trong việc đưa bê tông vào khối đổ thường sử dụng tháp bơm. Đối với các công trình bê tông khối lớn (đập thủy lợi, thủy điện) sử dụng bê tông có độ sụt thấp thường vận chuyển bằng băng tải, xe tải tự đổ kết hợp hộc đổ. Một số công trình thủy điện ở Việt Nam đã có các trạm trộn bê tông đầm lăn (RCC) công suất lớn được trang bị hệ thống làm lạnh và hệ băng tải vận chuyển cho phép đổ bê tông với công suất đến 8.000m³/ngày.

Hiện nay nhiều thiết bị bơm bê tông tiên tiến đã có mặt tại Việt Nam của các hãng Pulzmeister, Schwing, Elba (Đức) Junjil (Hàn Quốc)...

3. Công nghệ bê tông trong xây dựng kết cấu hạ tầng

3.1. Xây dựng thủy lợi, thủy điện: Thực hiện quy hoạch phát triển nguồn điện của cả nước trong đó có thủy điện, 10 năm qua, nhiều công trình thủy điện với hàng chục đập bê tông lớn nhỏ đã được xây dựng ở Việt Nam. Các đập này vừa đóng vai trò tích nước phát điện và có vai trò điều tiết lũ. Tùy vào chức năng, điều kiện tự nhiên của từng công trình cụ thể, các đập bê tông ở Việt Nam được lựa chọn xây dựng bằng

nhiều công nghệ khác nhau như đập trọng lực, đập vòm, đập bê tông bản mặt đá đổ, đập xà lan, đập trụ đỡ ... trong đó, đập trọng lực chiếm số lượng nhiều nhất và chủ yếu được thi công bằng công nghệ bê tông RCC.

- Công nghệ bê tông RCC:

Từ khi đập thủy điện đầu tiên được xây dựng bằng công nghệ bê tông RCC là đập Pleikrong (Kon-Tum) vào năm 2005, đến nay đã có hàng chục công trình đập RCC được xây dựng ở Việt Nam như: Thủy điện Bản Vẽ, Sơn La, Lai Châu, Đồng Nai 3, Đồng Nai 4, A Vương ...

Về năng lực thiết kế, sau những đập RCC đầu tiên với sự giúp đỡ của các công ty nước ngoài (Colenco - Thụy Sĩ, Smec - Úc), hiện nay, việc thiết kế các đập RCC đều do các đơn vị của Việt Nam đảm nhiệm.

Về lựa chọn vật liệu, hầu hết các đập RCC ở Việt Nam đều sử dụng xi măng poóc lăng (PC40 hoặc PC50) kết hợp với một loại phụ gia khoáng thường là puzzolan có tại các địa phương hoặc tro bay tuyển (Phả Lại). Để kéo dài thời gian đông kết cho hỗn hợp RCC cải thiện bám dính lớp, phụ gia hóa học giảm nước - kéo dài đông kết thường được sử dụng ở hầu hết các công trình thi công đập RCC.

Về thi công, hiện nhiều đơn vị thi công của Việt Nam có thể làm chủ công nghệ thi công RCC (TCty Sông Đà, TCty LICOGI, Công ty Xây dựng Thủy lợi 47...). Các thiết bị thi công RCC ngoài các máy móc phải nhập khẩu như lu rung, trạm trộn và băng tải công suất lớn, thiết bị làm lạnh, các nhà thầu Việt Nam hiện đã chế tạo được trong nước băng tải, trạm trộn RCC công suất nhỏ.

Công suất đổ bê tông RCC tại các công trình đập ở Việt Nam đạt bình quân 2.000 - 3.000 m³/ngày. Kỷ lục đổ RCC lớn nhất được thực hiện tại công trình đập thủy điện Sơn La với năng suất đổ 8.000 m³/ ngày. Tuy nhiên đây vẫn là con số nhỏ so với kỷ lục do Trung Quốc thực hiện (đập Yantan 10.170m³/ngày; đập Longtan 20.670m³/ngày - năm 2005).

Về chất lượng thi công, qua các báo cáo đánh giá chất lượng thi công một số đập RCC của Việt Nam cho thấy, chất lượng bê tông cơ bản đạt yêu cầu về tính chất cơ lý, tuy nhiên, việc quản lý chất lượng còn chưa tốt. Theo thống kê, hệ số biến động cường độ kéo bê tông mẫu khoan phần lớn các đập đều trên 30%, hệ số biến động cường độ nén khoảng trên 20%. Công tác tạo nhám, làm sạch mặt lớp thực hiện ở một số đập chưa được quản lý tốt. Việc thiết kế, thi công các chi tiết chống thấm tại khe nhiệt tại nhiều công trình chưa được chú trọng, có những đập bị thấm nặng tại khe nhiệt và buộc phải sửa chữa ngay sau khi tích nước vận hành.

- *Công nghệ thi công đập bằng bê tông thông thường:*

Trước khi công nghệ RCC được áp dụng phổ biến tại Việt Nam, một số đập thủy lợi và thủy điện được xây dựng bằng công nghệ bê tông thông thường (đập Sesan 3, đập thủy lợi Tân Giang...) Công nghệ này cho thời gian thi công chậm hơn công nghệ RCC do phải lắp dựng nhiều cốt pha và phải chờ cho khối đổ nguội. Về thi công đập bê tông trọng lực theo công nghệ bê tông thông thường không quá phức tạp, bê tông có thể vận chuyển bằng băng tải hoặc ô tô kết hợp học di chuyển bằng cầu tháp nên hầu hết các nhà thầu xây dựng thủy điện và thủy lợi Việt Nam đều có thể thực hiện.

- *Công nghệ đập bê tông bản mặt đá đổ:*

Công nghệ xây dựng đập đá đổ bê tông bản mặt đã được áp dụng tại công trình thủy điện Tuyên Quang, thủy điện An Khê (Gia Lai), công trình thủy lợi - thủy điện Cửa Đạt (Thanh Hóa). Với việc sử dụng công nghệ này, cho phép đẩy nhanh tiến độ so với thi công đập đá lõi sét có cùng chiều cao do thi công được trong điều kiện thời tiết ẩm ướt, mưa nhiều, thi công lớp chống thấm bằng bản mặt bê tông nhanh, sử dụng vật liệu địa phương, tiết kiệm thời gian thi công. Mặc dù việc thi công bản mặt bê tông nghiêng đảm bảo chất lượng về cường độ cũng như khả năng chống thấm khó khăn hơn kết cấu đứng

nhưng hiện các nhà thầu Việt Nam đã làm chủ được công nghệ này.

- *Công nghệ xây dựng đập vòm:*

Về xây dựng đập vòm, hiện nay ở Việt Nam có duy nhất thủy điện Nậm Chiến (Sơn La) sử dụng loại đập này. Với đặc điểm là tại vị trí đặt đập, lòng sông có độ dốc hai bên lớn, các nhà thiết kế (Ucraina) đã chọn giải pháp xây dựng đập vòm. Loại đập này có đặc điểm là sử dụng ít vật liệu hơn so với đập trọng lực, tuy nhiên kỹ thuật thi công khó hơn. Đập vòm Nậm Chiến có chiều dài 273m, chiều rộng đỉnh đập 6m và cao 136m, cong hai chiều. Mặc dù xây dựng đập vòm cong hai chiều khá phức tạp, nhưng các nhà thầu Việt Nam hiện đã làm chủ được công nghệ xây dựng trên cơ sở sử dụng công nghệ của nước ngoài. Đập vòm Nậm Chiến được thi công bằng công nghệ cốt pha leo Doka (do CH Áo sản xuất).

3.2. Xây dựng đường giao thông:

Những năm gần đây, việc sử dụng mặt đường bê tông xi măng (BTXM) vào xây dựng đường ở Việt Nam đang được đẩy mạnh. Theo số liệu thống kê năm 2008, tổng số km đường BTXM được xây dựng ở Việt Nam là 22.000km (chiếm khoảng 9% chưa kể tới đường đô thị và đường chuyên dùng), trong đó tỷ lệ đường BTXM làm đường giao thông nông thôn đạt cao nhất (18.900km, chiếm trên 85%), thấp nhất là đường tỉnh lộ (211km, chiếm 0,95%), đường quốc lộ có 626km, chiếm 2,82% chủ yếu là đường Hồ Chí Minh và một vài đoạn thuộc quốc lộ 1A bị ngập trong mưa lũ. Tuy nhiên việc ứng dụng công nghệ BTXM làm đường còn chưa đồng đều và chưa phổ biến ở một số vùng.

Mặt đường BTXM được thi công xây dựng ở Việt Nam trước đây được làm chủ yếu bằng phương pháp đổ thủ công. Những năm gần đây, do đòi hỏi quy mô xây dựng lớn, yêu cầu kỹ thuật cao nên một số doanh nghiệp xây dựng đã nhập khẩu công nghệ và thiết bị trải bê tông liên hợp hiện đại của nước ngoài.

Xây dựng mặt đường BTXM bằng thiết bị rải liên hợp: Hiện nay, một số doanh nghiệp xây

dụng của Việt Nam (Cty Xây dựng Hàng không - ACC...) đã có những dây chuyền đồng bộ hiện đại, từ khâu sản xuất hỗn hợp vữa BTXM, vận chuyển, trải - đầm, hoàn thiện mặt, bảo dưỡng, tạo nhám, cắt khe và trám khe... Những dây chuyền này đáp ứng yêu cầu thi công mặt đường BTXM có chiều dày lớp đến 40cm và chiều rộng tấc đến 7,5m. Với dây chuyền này, cho phép thi công mặt đường BTXM mác 350/40 đạt năng suất trung bình 500m³/ca, cao điểm đạt 1.000m³/ngày.

Thi công mặt đường BTXM bằng thiết bị cơ giới nhỏ: Nếu như công nghệ thi công mặt đường BTXM bằng thiết bị trải liên hợp thích hợp với các dự án lớn, đòi hỏi chất lượng cao (sân bay, đường quốc lộ...) thì việc sử dụng thiết bị nhỏ, giá rẻ phù hợp với đường đô thị, đường nội bộ, đường nông thôn. Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã ứng dụng hiệu quả thiết bị cơ giới nhỏ (Cty CP Bê tông và Xây dựng Xuân Mai ...) đầm bê tông bằng con lăn thép chạy trên cốp pha ray (máy tam trục) để thi công đường nội bộ trong nhà máy, tổ hợp công nghiệp...

Ngoài công nghệ thi công mặt đường BTXM bằng hỗn hợp bê tông có độ sụt, công nghệ thi công mặt đường bằng bê tông đầm lăn (RCCP) đã được nghiên cứu thử nghiệm ở Việt Nam từ năm 2001 với khoảng 2.000m² thử nghiệm tại thành phố Bắc Ninh (chiều dày tấc: 20cm; mác 350/45). Mặc dù có ưu điểm là tiết kiệm xi măng, thi công nhanh nhưng cho đến nay, công nghệ này chưa được áp dụng rộng rãi do còn một số nhược điểm là không bố trí được thanh truyền lực, khống chế chất lượng khó, đòi hỏi đội ngũ thi công phải có kỹ năng tốt.

3.3. Công trình dân dụng và công nghiệp

Công nghệ xây dựng nhà cao tầng đã mở ra cơ hội ứng dụng một số công nghệ thi công bê tông tiên tiến như cốp pha trượt vách cứng, sàn ứng lực trước bán lắp ghép, dàn giáo cốp pha định hình tổ hợp linh hoạt. Hiện nay ở Việt Nam, một số doanh nghiệp đã triển khai ứng dụng và làm chủ công nghệ này là TCty Cổ phần Vinaconex, TCty Sông Đà, Cty Contecons...

- Công nghệ cốp pha trượt:

Công nghệ thi công bê tông cốp pha trượt đã được áp dụng ở Việt Nam từ rất sớm, các thiết bị trượt đầu tiên được Cty Vinaconex 9 nhập khẩu từ Rumani vào Việt Nam từ thập niên 1990 để thi công các kết cấu bê tông cốt thép (BTCT) có chiều cao lớn, thiết diện tròn như silô chứa của các nhà máy xi măng, ống khói các công trình công nghiệp. Đến nay, công nghệ thi công cốp pha trượt đã được sử dụng ở hầu hết các nhà cao tầng BTCT để thi công vách cứng, lõi cứng - thang máy.

Để ứng dụng thành công công nghệ thi công bê tông bằng cốp pha trượt, ngoài việc sử dụng các thiết bị quan trắc và điều khiển kích nâng hiện đại, công nghệ sử dụng phụ gia hóa học để điều khiển thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông theo điều kiện thời tiết đóng vai trò quan trọng. Hiện nay, công nghệ thi công cốp pha trượt đã được nhiều doanh nghiệp xây dựng của Việt Nam làm chủ, kể cả khâu chế tạo thiết bị (TCty Vinaconex, TCty Xây lắp hóa chất...).

- Công nghệ bê tông ứng suất trước:

Trong những năm gần đây, việc sử dụng BTCT ứng suất trước đã trở nên phổ biến trong xây dựng nhà cao tầng, xây dựng các silô nhà máy xi măng và trong một số cấu kiện BTCT đúc sẵn như dầm, tấc, sàn, cọc ống... Đối với các ứng dụng thông thường của BTCT ứng suất trước, các doanh nghiệp Việt Nam hiện đã đủ sức cạnh tranh với nhà thầu nước ngoài. Cho đến nay, hầu như chưa xảy ra sự cố đối với kết cấu BTCT ứng suất trước. Có thể nói, doanh nghiệp Việt Nam đã tiếp thu và làm chủ được công nghệ này và gần đạt trình độ tiên tiến trên khu vực và thế giới.

- Công nghệ chế tạo sàn nhẹ:

Với mục tiêu giảm chi phí vật liệu, chi phí đầu tư, giảm trọng lượng công trình, nhiều giải pháp chế tạo sàn nhẹ đã được nghiên cứu và áp dụng ở Việt Nam trong những năm qua. Trọng lượng của hệ sàn được giảm bớt bằng cách bố trí các khối xếp hoặc vật thể rỗng ở những vị trí ít tham gia chịu lực. Điển hình của

các giải pháp này là hệ sàn bóng (sử dụng bóng bằng chất dẻo tái chế) hoặc hệ sàn độn xốp (thường làm theo một phương) đổ tại chỗ hoặc đúc sẵn trong nhà máy. Các giải pháp này mới chỉ được ứng dụng thử nghiệm trong một số công trình, chưa áp dụng đại trà do cần phải kiểm chứng chất lượng cũng như các tiêu chuẩn hướng dẫn thiết kế, thi công, nghiệm thu, đơn giá, định mức với các giải pháp sàn loại này. Tuy nhiên đây cũng là một hướng đi cần thiết trong đa dạng hóa các giải pháp kết cấu nhằm giảm chi phí, giảm trọng lượng kết cấu, tăng tiến độ thi công nhà cao tầng.

- Công nghệ bê tông tự lèn:

Bê tông tự lèn (SCC) bắt đầu được nghiên cứu ở Việt Nam từ năm 2001. Sự ra đời của loại bê tông này xuất phát từ nhu cầu chế tạo các kết cấu, cấu kiện có chất lượng cao, hình dáng phức tạp, mật độ cốt thép lớn khó làm chặt bằng đầm rung. Hiện nay ở Việt Nam với sự có mặt của các thể hệ phụ gia hóa học đặc biệt (siêu dẻo, tạo nhớt) và các loại phụ gia khoáng silic chất lượng cao, SCC đã được nghiên cứu ở nhiều Viện nghiên cứu và trường đại học. Tuy nhiên, vì nhiều lý do (kinh tế, khó khăn trong công tác trộn, vận chuyển), SCC vẫn chưa được ứng dụng rộng rãi ở Việt Nam. Hiện SCC mới được ứng dụng để đổ bê tông tại các vùng giao dầm và đầu cột (nơi mật độ cốt thép dày) trong xây dựng nhà chung cư cao tầng tại khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính (TCty Vinaconex và Viện KHCN XD thực hiện năm 2005).

3.4 Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn dự ứng lực

Công nghệ chế tạo các cấu kiện xây dựng đúc sẵn phát triển rộng ở nhiều địa phương đã tạo ra nhiều sản phẩm cấu kiện xây dựng chất lượng cao như: cọc ống ly tâm dự ứng lực PHC D400, D500 phục vụ cho xử lý nền móng (Cty Fecon, TCty Vinaconex, Cty Phan Vũ), cừ BTCT dự ứng lực cho thi công tầng hầm và dầm/sàn bê tông dự ứng lực phục vụ cho xây dựng các công trình lắp ghép (TCty Vinaconex). Các doanh nghiệp sản xuất cọc ly tâm dự ứng lực cũng đã

ứng dụng thành công bê tông cường độ cao đến 80MPa để giảm chiều dày, nâng chiều dài và sức chịu tải của cọc (lên đến 300T).

Từ năm 2001, một số doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư nhiều nhà máy sản xuất cấu kiện BTCT đúc sẵn tại các thành phố lớn và đã cho ra đời các sản phẩm chủ yếu là bê tông đúc sẵn dự ứng lực cho xây dựng nhà cao tầng, góp phần rút ngắn tiến độ thi công khoảng 30-40%, chi phí xây dựng phần kết cấu giảm từ 15-20%.

Các cấu kiện BTCT dự ứng lực cũng đã được ứng dụng trong các công trình công nghiệp như các công trình thuộc khu công nghiệp Bắc Thăng Long, khu công nghiệp Nội Bài, khu công nghiệp Quế Võ với tổng diện tích sàn gần 300.000m² do TCty Vinaconex thực hiện.

Ngoài ứng dụng cho các công trình dân dụng và công nghiệp, cấu kiện BTCT dự ứng lực cũng được sử dụng cho các công trình văn hóa - thể thao. Các công trình loại này thường có yêu cầu cao về kiến trúc, thẩm mỹ. Việc kết hợp với kết cấu thép và kết cấu BTCT toàn khối, cấu kiện BTCT dự ứng lực tiền chế đã đáp ứng tốt các yêu cầu thiết kế và đem lại hiệu quả kinh tế cao. Một số công trình tiêu biểu trong lĩnh vực này đã áp dụng như: Bảo tàng Hà Nội, Sân vận động và nhà thi đấu thể thao của Trung tâm Liên hợp thể thao Mỹ Đình (Hà Nội), Sân vận động Việt Trì, Trung tâm Thương mại Him Lam (Bắc Ninh)...

Mặc dù đã có những bước tiến rõ rệt so với 10 năm trước, nhìn chung công nghệ thi công theo phương pháp lắp ghép của Việt Nam còn chưa bắt kịp các nước trong khu vực. Cho đến nay, các cấu kiện định hình chế sẵn vẫn còn chiếm tỷ trọng dưới 60% do chưa mở rộng được các nhà máy sản xuất cấu kiện tiền chế trên toàn quốc.

4. Tiêu chuẩn Việt Nam về vật liệu chế tạo bê tông và bê tông

Trước đây, tiêu chuẩn Việt Nam về xi măng, bê tông xây dựng chủ yếu dựa vào hệ thống tiêu chuẩn của Liên Xô cũ. Từ năm 1990 đến nay, các tiêu chuẩn được xây dựng và soát xét,

ban hành theo xu hướng phù hợp với tiêu chuẩn ISO và tiêu chuẩn Mỹ (ASTM) trong các lĩnh vực thử nghiệm vật liệu hay AASHTO (lĩnh vực giao thông).

Hiện hệ thống tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam có khoảng 1.300 tiêu chuẩn (TCVN, TCXD, TCXDVN), trong đó có trên 50 tiêu chuẩn quy định về yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử cho các chủng loại xi măng, cốt liệu, phụ gia hóa học, phụ gia khoáng - hiện được sản xuất và tiêu thụ tại thị trường Việt Nam, và khoảng 15 tiêu chuẩn quy định về sản phẩm bê tông. Tuy nhiên, tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử cho hỗn hợp bê tông và bê tông chưa đáp ứng được yêu cầu khi ứng dụng các công nghệ mới nên hiện tại vẫn phải dùng tiêu chuẩn nước ngoài (bê tông đầm lăn, tự lèn...). Tiêu chuẩn về nghiệm thu các sản phẩm BTCT còn thiếu về số lượng và chưa đồng bộ.

Hiện nay, các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam đang được soát xét về nội dung để phù hợp với yêu cầu của các tiến bộ mới trong công nghệ xây dựng và thực tiễn sản xuất. Tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật về sản phẩm dần được bổ sung hoàn thiện và đang trên đường tiếp cận các tiêu chuẩn châu Âu. Các tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp thử hầu như tương đồng với tiêu chuẩn ISO, ASTM, BS, tuy nhiên có thay đổi về điều kiện nhiệt độ của môi trường thử mẫu cho phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam.

5. Kết luận

Trong 10 năm qua, cùng với công nghệ xây dựng nói chung, công nghệ thi công bê tông ở Việt Nam đã có những bước tiến vượt bậc. Với các công nghệ thi công bê tông mới, các công trình xây dựng đã được thi công nhanh hơn, tính năng cao hơn và tiết kiệm chi phí hơn. Đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật cũng đã nhanh chóng trưởng thành và dần làm chủ được các công nghệ mới, giảm dần sự hỗ trợ kỹ thuật từ nước ngoài.

Bên cạnh những tiến bộ trong công nghệ thi công bê tông, vẫn còn một số tồn tại cần giải quyết, đó là:

- Các doanh nghiệp chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của khoa học và công nghệ trong phát triển doanh nghiệp, đưa đề cao khoa học công nghệ trong định hướng phát triển doanh nghiệp, đầu tư cho khoa học và công nghệ còn chưa nhiều (việc lập quỹ phát triển KH&CN từ 10% lợi nhuận trước thuế chưa được các doanh nghiệp triển khai đầy đủ);

- Nhiều công nghệ lạc hậu còn tồn tại trong thi công xây lắp: cốt pha, đà giáo, xây, trát, định hình cốt thép trong thi công kết cấu chịu lực, sử dụng lao động giản đơn trong nhiều phần việc, đầu tư trang bị máy móc trong thi công còn thiếu đồng bộ... Việc giải quyết bài toán kinh tế - kỹ thuật của doanh nghiệp chưa được hài hòa dẫn đến chất lượng công trình nhiều chỗ còn chưa được tốt.

- Một số công nghệ thi công bê tông chưa hoàn toàn làm chủ được như công nghệ bê tông cường độ cao, bê tông tính năng cao, công nghệ thi công kết cấu BTCT nhịp lớn dạng vỏ mỏng, các kết cấu đòi hỏi độ chính xác cao, hình thù phức tạp (tường nghiêng có chiều cao và chu vi lớn của tháp làm lạnh, hội trường lớn...)

- Việc thực hiện công nghiệp hóa xây dựng nhà ở theo hệ thống mở (sử dụng cấu kiện nhẹ, có tính lắp lẫn cao), đẩy mạnh và mở rộng các cơ sở sản xuất để giải quyết vấn đề nhà ở xã hội, đặc biệt cho những vùng thường xuyên bị bão lụt chưa đạt được kết quả như mong muốn;

- Hệ thống tiêu chuẩn còn thiếu đồng bộ, việc áp dụng các công nghệ thi công bê tông mới vào thực tiễn còn thiếu quyết tâm do gặp nhiều rào cản (chủ yếu do cơ chế chính sách).

- Đơn giá, định mức đối với các công nghệ bê tông mới chưa bổ sung kịp thời, gây khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt đối với những công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước./

TS. Nguyễn Quang Hiệp

Viện KHCN Xây dựng - Bộ Xây dựng

Nguồn: Hội thảo khoa học: “Công nghệ bê tông cho các công trình xây dựng và hạ tầng giao thông” - Tháng 9/2012 tại Hà Nội

Tương lai của năng lượng mặt trời

Trong những năm gần đây, năng lượng mặt trời đã phát triển vượt bậc. Ba năm trước, trên toàn thế giới chỉ có vài nhà máy điện chạy bằng năng lượng mặt trời, công suất tính bằng megawatt (MW). Song tới năm 2010, việc thực hiện những thiết kế nhà máy công suất tính bằng gigawatt (GW) đã được triển khai. Theo báo cáo của Hiệp hội Công nghiệp Quang điện châu Âu, nhờ chính sách kinh tế đúng hướng cùng với những điều kiện thị trường thuận lợi, năng lực cạnh tranh của các thiết bị quang điện sẽ có thể sánh với các mạng lưới điện thông dụng chỉ sang năm tới đây.

Tuy nhiên, rất nhiều vấn đề liên quan tới sự phát triển nhanh chóng của công nghệ tái tạo năng lượng đã nảy sinh. Một trong những vấn đề được coi là cấp bách chính là những hạn chế về nguồn tài nguyên và môi trường sinh thái trong sự phát triển của ngành năng lượng thế giới nói chung.

Theo các dự báo, nhu cầu điện năng trên cả hành tinh của chúng ta tới năm 2050 sẽ lên tới 28 terawatt (TW), và đến năm 2100 con số này sẽ đạt 46 TW. Phần lớn công nghệ quang điện mặt trời hiện nay đều đang đối mặt với những hạn chế tự nhiên về nguồn tài nguyên - điều không cho phép ngành công nghiệp này đạt được quy mô công suất lớn tính bằng terawatt. Các hạn chế này bao gồm cả chi phí quá cao cho năng lượng sử dụng để sản xuất silic tinh thể; việc sản xuất các vật liệu đối với thành phần năng lượng mặt trời từ arsenit gali và một số chất liệu khác cũng bị hạn chế. Chẳng hạn: trong tương lai không xa, cần có những giải pháp để không phải sử dụng bạc kim loại làm chất tương tác trước của yếu tố ánh sáng mặt trời lên tinh thể silic, khi mà việc sử dụng tinh thể silic trong các yếu tố ánh sáng như hiện nay sẽ dẫn tới sự kiệt quệ trữ lượng bạc của trái đất sau 19 năm nữa. Do đó, tới năm 2100 các công nghệ tái tạo

năng lượng mặt trời hiện nay chỉ có thể đáp ứng xấp xỉ 2% nhu cầu năng lượng mà thôi.

Để có thể khắc phục những hạn chế về nguồn tài nguyên đối với sự phát triển của ngành năng lượng thế giới, cần có những giải pháp cấp bách về mặt công nghệ. Việc phân tích các hạn chế mở ra triển vọng cho việc nghiên cứu hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện năng và nhiệt năng dựa vào các yếu tố ánh sáng mặt trời được hội tụ với các đường dẫn theo phương thẳng đứng. Các thiết bị hội tụ lớn của nhiều quốc gia đã mang lại những kết quả khả quan. Chẳng hạn: công ty Amonix (Las Vegas - Mỹ) đã thiết lập được cơ sở sản xuất có diện tích 214 nghìn foot vuông, và đang khai thác dây chuyền sản xuất tự động các module hội tụ với quy mô xấp xỉ 100 MW/năm. Tháng 4/2011, công ty đã đưa sản phẩm của mình tới trình bày tại Hội nghị CPV-7, với sự tham gia của hơn 500 đại diện đến từ 26 quốc gia trên thế giới.

Một điều chúng ta cần ghi nhận: lần đầu tiên trên thế giới, các yếu tố ánh sáng mặt trời từ silic tinh thể đơn với các đường truyền theo phương thẳng đứng đã được N.Lidorenko, D.Strebkovyi, A.Landsman và các nhà khoa học Xô viết thiết lập trong khoảng thời gian từ năm 1967 - 1971. Sự bố trí các đường truyền theo phương thẳng đứng khác với phương pháp hình học cũ vẫn từng được áp dụng trước đó (trong đó, đường truyền được bố trí song song bề mặt thu nhận) cho phép dễ dàng giải bài toán biến đổi ánh sáng được hội tụ nhờ điện trở nối tiếp thấp của các yếu tố này. Ngoài ra, phương pháp nêu trên không đòi hỏi áp dụng các công nghệ đắt tiền của kỹ thuật in ảnh lito.

Tại nhà máy "Đại học Kỹ thuật Điện Xô viết mang tên Lê Nin" từ những năm 80 của thế kỷ XX, các công tác thiết lập yếu tố ánh sáng mặt trời với các đường truyền theo phương thẳng

đứng đã được tiến hành, trong đó các nhà khoa học sử dụng nhôm làm vật liệu kết nối cấu trúc bán dẫn trong một thể thống nhất, do vậy tránh được sử dụng chất liệu bạc đắt tiền. Trong giai đoạn đầu tiên của công việc này, nhiệm vụ sử dụng chất thải silic trong chế tạo lực bán dẫn được đặt ra. Các nghiên cứu này sau đó được các nhà khoa học của cơ quan khoa học quốc gia «Viện Nghiên cứu khoa học toàn Nga vấn đề điện khí hóa nông thôn» tiếp tục phát triển. Cho tới những năm gần đây, những kết quả rất khả quan đã được ghi nhận. Tuy vậy, nguồn cung cấp tài chính hay bị gián đoạn đã không cho phép xu hướng có rất nhiều triển vọng này tiến lên giai đoạn mới trong hoạt động thuộc về kinh nghiệm của các nhà thiết kế.

Tại Mỹ, những hoạt động tích cực theo cùng một xu hướng, kết hợp với chính sách tài chính thỏa đáng đã tạo điều kiện cho công ty GreenField Solar xây dựng được dự án và lắp đặt tại Klivland (bang Ohio) 20 hệ thống hội tụ quang điện dựa trên các yếu tố ánh sáng mặt trời được hấp thụ qua silic tinh thể, với đường truyền theo phương thẳng đứng (diện tích gương hội tụ của mỗi thiết bị xấp xỉ 11m²). Hiệu quả của những thiết bị này đã được khẳng định qua thực tế - cho phép thu nhận 20 KW điện năng và gần 70 KW nhiệt năng, đảm bảo nhiệt và điện cho cả khu công viên Rocfeller rộng lớn của thành phố mà không gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh.

Các kết quả của những công trình nghiên cứu được thực hiện tại Nga và Mỹ đã chứng tỏ tiềm năng rất lớn của việc sử dụng hệ thống hội tụ các yếu tố ánh sáng mặt trời với đường truyền theo phương thẳng đứng – cho hiệu quả rất cao trong việc tạo ra điện năng và nhiệt năng; đồng thời trong việc sản xuất các thiết bị này không cần sử dụng các vật liệu quý hiếm, đắt tiền. Chính sách tài chính đúng đắn và hợp lý nhằm khuyến khích công việc của các nhà thiết kế giàu kinh nghiệm sẽ tạo điều kiện thuận lợi để việc sử dụng năng lượng mặt trời trên

thực tế sẽ tiến những bước xa hơn trong những năm tới đây; tiến tới tương lai năng lượng mặt trời - nguồn năng lượng tái tạo và rất an toàn về mặt sinh thái - sẽ thay thế năng lượng truyền thống. Các công nghệ nêu trên đặc biệt hữu ích đối với việc tự cung cấp điện và nhiệt trong quá trình xây dựng các làng sinh thái, ví dụ có thể áp dụng cho vùng nam Siberi (Nga), nơi thời gian mặt trời chiếu sáng trong ngày rất dài. Đây cũng là điều vô cùng cần thiết để giải bài toán sử dụng nhiên liệu vận chuyển tới những vùng xa xôi.

Ngành năng lượng thế giới mới đây đã ghi nhận một kỷ lục mới của CHLB Đức: các nhà máy điện chạy bằng năng lượng mặt trời tại quốc gia này lần đầu tiên đã đạt được tổng công suất xấp xỉ 22 GW – tương đương với công suất của 20 lò phản ứng hạt nhân. Theo lời phát biểu của Chủ tịch Diễn đàn kinh tế quốc tế về nguồn năng lượng tái tạo (IWR)- ông Norbert Alnoha - “con số này không chỉ là kỷ lục đối với nước Đức. Trên toàn thế giới hiện nay, không một quốc gia nào mà các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời lại có thể sản sinh ra tới 20 GW điện”. Thành quả này đạt được trước hết nhờ chương trình đúng đắn của Chính phủ chuyển sang nguồn năng lượng tái tạo phục vụ cuộc sống. Bên cạnh đó, thời tiết tốt, vị trí mặt trời thuận lợi cũng là những nguyên nhân khách quan góp phần vào thành tựu chung. Một con số để so sánh: đúng một năm trước đây, các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời của Đức vào thời điểm giữa trưa cũng chỉ tạo ra 14 GW điện. Tuy nhiên, giá điện tại Đức trong những năm tới đây cũng có thể tăng mạnh - tới 70% - do chi phí lớn để chuyển sang nguồn năng lượng tái tạo.

I. Chiukhov

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 30
(27/7/2012)*

ND: Lê Minh

Những khó khăn trong quản lý năng lực doanh nghiệp khảo sát thiết kế và kiến nghị giải quyết

Doanh nghiệp khảo sát thiết kế gánh vác nhiệm vụ khảo sát thiết kế trong xây dựng đô thị và nông thôn, là lực lượng quan trọng của sự nghiệp xây dựng đô thị và nông thôn. Những năm gần đây, đã xuất hiện một số vấn đề về quản lý năng lực của doanh nghiệp khảo sát thiết kế, làm kìm hãm sự phát triển lành mạnh của doanh nghiệp khảo sát thiết kế, và cần được nghiên cứu, giải quyết.

I. Các vấn đề

1. Chính sách pháp quy không đồng bộ, không hoàn thiện

Tiêu chuẩn năng lực khảo sát thiết kế công trình hiện hành chủ yếu căn cứ trên số lượng, năng lực nhân viên chuyên ngành của doanh nghiệp khảo sát thiết kế. Lấy ví dụ về kiến trúc sư đăng ký, doanh nghiệp khảo sát thiết kế hạng I cần từ 1 kiến trúc sư loại A trở lên, doanh nghiệp khảo sát thiết kế hạng II cần từ 2 kiến trúc sư loại B trở lên, doanh nghiệp khảo sát thiết kế hạng III cần từ 1 kiến trúc sư loại B trở lên. Những chỉ tiêu này là chỉ tiêu bắt buộc để xác định đẳng cấp hoặc nâng hạng cho doanh nghiệp. Theo Điều 22 “Điều lệ Kiến trúc sư đăng ký của nước CHND Trung Hoa” quy định: phạm vi hành nghề của kiến trúc sư loại A không chịu sự hạn chế của quy mô và mức độ phức tạp của công trình xây dựng. Nhưng về năng lực doanh nghiệp, nếu doanh nghiệp khảo sát thiết kế đăng ký hạng II hoặc hạng III có kiến trúc sư đăng ký loại A thì phạm vi hành nghề của họ sẽ bị hạn chế nghiêm trọng. Những quy định chính sách này dẫn tới tình trạng các doanh nghiệp khảo sát thiết kế hạng II, hạng III thiếu kiến trúc sư đăng ký nghiêm trọng, còn các doanh nghiệp khảo sát thiết kế hạng I lại thừa kiến trúc sư đăng ký. Thực hiện triệt để chế độ năng lực sẽ khiến cho các hiện tượng như con người và chứng nhận năng lực

tách rời nhau, kiến trúc sư đăng ký bị thương mại hóa, đấu thầu xếp hạng... nảy sinh và tồn tại. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp khảo sát thiết kế vừa và nhỏ buộc phải mượn giấy chứng nhận, mua giấy chứng nhận để bảo lưu năng lực, danh xưng không phù hợp với năng lực thực tế.

Theo sau sự phát triển của kinh tế, quy mô công trình ngày càng lớn, mức độ phức tạp của công trình ngày càng cao, tiêu chuẩn quy định doanh nghiệp khảo sát thiết kế hạng I phải có ba kiến trúc sư loại A lại hơi thấp, không có lợi cho công tác quản lý vĩ mô toàn bộ các đơn vị doanh nghiệp khảo sát thiết kế, dễ khiến cho doanh nghiệp khảo sát thiết kế trở nên quá nhiều, quá phân tán và quá rối loạn, không có lợi cho sự phát triển lớn mạnh của doanh nghiệp khảo sát thiết kế, cản trở nghiêm trọng công tác quản lý thị trường khảo sát thiết kế.

2. Nhân tài bị thất thoát nghiêm trọng

Tiêu chuẩn năng lực doanh nghiệp khảo sát thiết kế quy định số nhân viên chủ chốt của doanh nghiệp khảo sát thiết kế các hạng I, II và III. Lấy một số doanh nghiệp khảo sát thiết kế làm ví dụ, khi số lượng kiến trúc sư đăng ký đã đạt yêu cầu của tiêu chuẩn, do lợi ích kinh tế thúc đẩy, muốn thi để có được giấy chứng nhận năng lực, những nhân viên đăng ký lại đành phải mua bằng cấp, khiến cho đội ngũ khảo sát thiết kế không ổn định. Nếu số lượng kiến trúc sư đăng ký chưa đạt yêu cầu tiêu chuẩn, phải dựa vào mua giấy chứng nhận để bảo lưu năng lực, tạo nên sự bất công nghiêm trọng trong nội bộ doanh nghiệp, khiến cho đội ngũ khảo sát thiết kế càng thêm mất ổn định. Cho nên, trong mô hình quản lý năng lực hiện nay, đã xuất hiện nhiều vấn đề về chế độ, ra đời nhiều tầng lớp không làm mà được lợi, mua bán bằng cấp..., số tiền giao dịch mua bán bằng cấp

chúng nhận năng lực đăng ký chuyên ngành hàng năm lên tới hàng trăm nghìn NDT. Trong tình hình như vậy, nhân viên chuyên ngành ở các doanh nghiệp khảo sát thiết kế không yên tâm, khó phát triển lớn mạnh.

3. Khó đảm bảo chất lượng

Tình trạng mua bán bằng cấp, kiến trúc sư đăng ký của các doanh nghiệp khảo sát thiết kế danh xưng không phù hợp với năng lực thực tế là một trong những nguyên nhân khiến cho việc quản lý chất lượng khảo sát thiết kế gặp khó khăn. Công tác quản lý năng lực hiện nay chỉ yêu cầu quản lý số lượng nhân viên kỹ thuật công trình và kiến trúc sư đăng ký, không quy định yêu cầu về chất lượng, kiểm tra tình hình hành nghề. Trong thực tế, có một bộ phận không nhỏ kiến trúc sư phải bỏ nghề khảo sát thiết kế, chuyển sang các ngành nghề có áp lực cạnh tranh nhỏ hơn, nhưng vẫn bảo lưu đăng ký trong doanh nghiệp khảo sát thiết kế. Nâng cao trình độ nghiệp vụ của doanh nghiệp khảo sát thiết kế trở thành lời nói suông, doanh nghiệp khảo sát thiết kế khó phát triển bền vững.

4. Tiêu chuẩn năng lực lạc hậu

Tiêu chuẩn năng lực hiện hành được đề ra từ 4 năm trước, môi trường xã hội đến nay đã có nhiều thay đổi lớn, cần phải tiến hành điều chỉnh và bổ sung tương ứng theo tình hình thực tế. Phần lớn các doanh nghiệp khảo sát thiết kế vừa và nhỏ đã cải cách chế độ, tính chất doanh nghiệp thay đổi, đồng thời cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, các hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, ép giá... tồn tại với những mức độ khác nhau, tính lưu động của nhân viên doanh nghiệp tăng mạnh. Trong tình hình đó, dựa vào tình trạng cấu thành nhân viên kỹ thuật công trình để kiểm tra và xác định năng lực doanh nghiệp đã mất đi ý nghĩa vốn có của thiết kế chế độ ban đầu.

II. Kiến nghị

Quản lý năng lực cần phải mang lại điều kiện phát triển tương đối thuận lợi cho doanh nghiệp, phù hợp với sự phát triển của doanh

nh nghiệp, càng cần phải tiện lợi cho công tác quản lý và giám sát của ngành chủ quản chính quyền. Đồng thời, cần đưa ra cơ chế chọn lọc tự nhiên: mạnh được yếu thua, khiến cho doanh nghiệp phải tập trung nâng cao chất lượng khảo sát thiết kế, chuyển đổi cơ chế kinh doanh. Chính quyền đang điều tiết vĩ mô tổng số lượng đơn vị khảo sát, thiết kế là hết sức đúng đắn, nhưng nếu chính quyền can thiệp quá nhiều, vạch kế hoạch quá cụ thể sẽ khiến cho công tác giám sát quản lý trở nên khó khăn hơn, đó không phải là biện pháp của nền kinh tế thị trường.

1. Xây dựng hệ thống bình xét đánh giá thành tích doanh nghiệp một cách khoa học

Giảm bớt tác dụng về số lượng nhân viên kỹ thuật công trình, xây dựng hệ thống đánh giá khoa học với nội dung chủ yếu là kiểm tra thành tích doanh nghiệp, thực hiện cơ chế đào thải của thị trường, công bố tình hình kiểm tra cho mọi người trong xã hội biết, để cho thị trường quyết định sự sinh tồn và phát triển của doanh nghiệp. Chính quyền điều tiết vĩ mô tổng số lượng doanh nghiệp khảo sát thiết kế, tránh tình trạng doanh nghiệp quá nhiều, quá phân tán, quá rối loạn. Tạm thời giảm bớt mối gắn kết giữa số lượng kiến trúc sư đăng ký và năng lực doanh nghiệp ở một số chuyên ngành có ít nhân viên đăng ký, nếu không sẽ dẫn tới nhiều rối loạn hơn nữa. Hiện tượng chức danh kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, năng lực đăng ký... tồn tại đã nhiều năm, tình trạng này đặc biệt nổi cộm ở tầng cơ sở, gây nên sự phản ứng tương đối mạnh mẽ của xã hội. Chỉ có áp dụng các biện pháp triệt để và toàn diện mới có thể khiến cho công tác quản lý năng lực doanh nghiệp trở về quỹ đạo phát triển lành mạnh và đúng đắn.

2. Xây dựng chế độ kiểm tra năng lực hành nghề của kiến trúc sư đăng ký

Hiện nay, cần phải xem xét lại biện pháp kiểm tra duy nhất một lần năng lực hành nghề của kiến trúc sư đăng ký. Thu hút các kiến trúc sư đăng ký tới làm việc ở doanh nghiệp khảo

sát thiết kế như thế nào, đánh giá thành tích công tác của họ ra sao..., là một công trình nghiên cứu mang tính hệ thống. Quy định một cách khoa học phạm vi hành nghề của doanh nghiệp khảo sát thiết kế vừa và nhỏ, lựa chọn doanh nghiệp thông qua cơ chế thị trường, khuyến khích công trình sư đăng ký hành nghề ở các doanh nghiệp khảo sát thiết kế vừa và nhỏ, cho phép các doanh nghiệp khảo sát thiết kế có năng lực liên kết theo chiều dọc, cùng thiết kế, phát huy ưu thế của mỗi doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp khảo sát thiết kế vừa và nhỏ phát huy tính sáng tạo, nâng cao sức cạnh tranh chủ yếu, dẫn dắt các doanh nghiệp phát triển và làm ăn trung thực, khiến cho nhân viên kỹ thuật công trình yêu nghề, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tổng hợp các yếu tố để xác định năng lực doanh nghiệp

Công tác quản lý năng lực doanh nghiệp khảo sát thiết kế - doanh nghiệp thuộc loại hình tập trung nhiều tri thức, có đặc điểm riêng của mình, không nên tiêu chuẩn hóa nhân viên. Trong tình hình số lượng kiến trúc sư phân bố không đồng đều, không đủ, kiến nghị nên tổng

hợp các nhân tố như số năm kinh doanh của doanh nghiệp, sản phẩm thiết kế, tình hình sáng tạo, cấu thành đội ngũ nhân viên, tình hình bồi dưỡng huấn luyện nhân viên, mức độ tín nhiệm mà xã hội dành cho... để xác định năng lực doanh nghiệp. Khi điều kiện chín muồi, từng bước quá độ từ năng lực doanh nghiệp sang năng lực nhân viên. Đồng thời, căn cứ vào mức độ phát triển của từng địa phương, tiến hành quản lý tổng lượng đơn vị khảo sát thiết kế, phát huy chức năng điều tiết vĩ mô của chính quyền, chỉ đạo doanh nghiệp khảo sát thiết kế phát triển lớn mạnh và nâng cao nghiệp vụ.

Tóm lại, dựa vào tính đặc thù của đơn vị khảo sát thiết kế, từng bước nâng cao tiêu chuẩn ngành là điều đúng đắn, nhưng phải triệt để quan tâm đến tình hình đất nước, cần phải nhìn thẳng vào các vấn đề nảy sinh, đi sâu điều tra nghiên cứu, điều chỉnh tư tưởng quản lý, kịp thời áp dụng các biện pháp phù hợp, khiến cho ngành khảo sát thiết kế phát triển lành mạnh.

Mã Lực

Nguồn: Tạp chí "Xây dựng" số 10/2012

ND: Hoàng Thế Vinh

Đoàn đại biểu cấp cao Đảng Cộng sản Cuba đến thăm và làm việc tại Bộ Xây dựng

Sáng ngày 11/10/2012, đoàn đại biểu cấp cao Đảng Cộng sản Cuba do đồng chí Marino Murillo Jorrge - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Triển khai đường lối kinh tế và xã hội Đại hội VI ĐCS Cu Ba làm trưởng đoàn đã đến thăm và làm việc tại Bộ Xây dựng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã chủ trì buổi tiếp và làm việc cùng đoàn. Thành phần tham dự về phía Bộ Xây dựng còn có lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ.

Tại buổi làm việc, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã bày tỏ vui mừng được đón đoàn đại biểu cấp cao ĐCS Cuba tới thăm và làm việc với Bộ Xây dựng, đồng thời nhấn mạnh, Bộ Xây dựng với tư cách thường trực Ủy ban Liên Chính phủ Việt Nam - Cuba sẽ làm hết sức mình để quan hệ hợp tác giữa hai dân tộc, hai nước ngày càng phát triển tốt đẹp.

Trong bài phát biểu đáp lời, đồng chí Marino Murillo Jorrge đã bày tỏ cảm ơn sự đón tiếp nồng hậu lãnh đạo Bộ Xây dựng dành cho đoàn. Đồng chí nhận định: trong sự hợp tác phát triển giữa hai nước, vai trò của Bộ Xây dựng là vô cùng quan trọng; đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, Cuba rất cần học hỏi kinh nghiệm của Việt Nam cũng như các nước XHCN anh em trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản; học tập những kinh nghiệm, cách tiếp cận các giải pháp nhằm cân đối nguồn vốn đầu tư và năng lực xây dựng, cũng như nâng cao năng suất lao động trong xây dựng cơ bản.

Tại buổi làm việc, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã trao đổi với đồng chí Marino Murillo Jorrge về những vấn đề phía bạn quan tâm. Thứ trưởng nêu rõ: động lực để phát triển chính là lợi ích kinh tế, do đó bài toán năng suất lao động cần giải quyết bằng cơ chế thị trường, bên cạnh



Toàn cảnh buổi làm việc

đó là áp dụng các công nghệ tiên tiến, trang thiết bị hiện đại. Về vấn đề nhà ở và thị trường bất động sản - Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam chia sẻ - Việt Nam đã bước đầu thành công, với những nỗ lực quản lý của Chính quyền trong khuôn khổ các giấy phép quy hoạch. Về mặt quản lý xây dựng đô thị, Thứ trưởng thẳng thắn nhìn nhận: Việt Nam cũng gặp phải không ít khó khăn như Cuba trong các vấn đề quản lý trật tự xây dựng, quản lý phế thải xây dựng... Các lực lượng Thanh tra Chính phủ, Thanh tra chuyên ngành như Thanh tra Xây dựng, Thanh tra Giao thông đều là những công cụ đắc lực của Nhà nước để giải quyết những khó khăn, vướng mắc nêu trên. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam còn ban hành nhiều chính sách phân cấp cho Chính quyền địa phương; tuy nhiên quá trình phân cấp cần tuân theo lộ trình từng bước cụ thể, tránh phân tán nguồn lực. Trao đổi về mức độ đô thị hóa, thực trạng di dân từ nông thôn ra thành thị, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam nêu ý kiến: đất nước phát triển theo hướng công nghiệp hóa sẽ kéo theo đô thị hóa – đó là quá trình tất yếu của sự phát triển. Bài học mà Việt Nam rút ra được là cần chú trọng đầu tư về nông thôn, đầu tư cho người nông dân yên tâm chuyển đổi sản xuất, theo phương châm “ly nông, không ly hương”.

Để giải bài toán này, cần khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư về nông thôn, trước hết là đầu tư hạ tầng...

Cũng trong buổi làm việc, đại diện Cục Phát triển Đô thị, Cục Quản lý nhà & thị trường BĐS, Vụ Kiến trúc Quy hoạch - Bộ Xây dựng đã trình bày tóm tắt về hệ thống đô thị Việt Nam, hệ thống quy hoạch đô thị Việt Nam và chính sách nhà ở và thị trường BĐS Việt Nam - những vấn đề mà phía các bạn Cuba muốn cùng trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong buổi làm việc với Bộ Xây dựng.

Bày tỏ niềm vinh dự được Lãnh đạo Bộ Xây dựng dành thời gian đón tiếp và cùng chia sẻ những quan điểm, những bài học quý giá trong các lĩnh vực hai bên cùng quan tâm và hướng tới, đồng chí Marino Murillo Jorrgge mong muốn: chuyến thăm lần này sẽ là một nhịp cầu nối góp phần làm bền vững thêm mối quan hệ thắm thiết giữa hai Đảng, hai Chính phủ, và sẽ góp phần

Tổng hội Xây dựng Việt Nam kỷ niệm 30 năm xây dựng và phát triển, đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Ba

Ngày 5/10/2012 tại Hà Nội, Tổng Hội Xây dựng Việt Nam (XDVN) đã long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 30 năm xây dựng và phát triển (1982-2012), đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Ba (lần thứ 2) và tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã đến dự và phát biểu tại buổi Lễ.

Tham dự buổi Lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, Thứ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Nguyễn Hồng Trường; đại diện lãnh đạo Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban KHCN và Môi trường của Quốc hội; đại diện các Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải; đại diện lãnh đạo các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng; đại diện các cơ quan thông tấn - báo chí Trung ương và Hà Nội.



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam chụp ảnh lưu niệm với đoàn đại biểu cấp cao ĐCS Cuba

thúc đẩy các hoạt động của Ủy ban Liên Chính phủ. Đồng chí cũng bày tỏ hy vọng: Việt Nam và Cuba sẽ có nhiều dự án liên doanh, liên kết cụ thể trong mọi lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế - trong đó có xây dựng.

Lệ Minh



Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải phát biểu tại buổi Lễ

Phát biểu khai mạc buổi Lễ, Chủ tịch Tổng Hội XDVN Trần Ngọc Hùng cho biết, Tổng Hội XDVN, tiền thân là Hội KHKT Xây dựng Việt Nam được thành lập ngày 24/8/1982 theo Quyết định số 145/BT của Hội đồng Bộ trưởng, và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất ngày 25/8/1982 của Hội cũng là Đại hội thành lập Hội

KHKT Xây dựng Việt Nam. Hội KHKT Xây dựng Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng Hội XDVN theo Quyết định số 87/2003/QĐ-BNV ngày 23/12/2003 của Bộ Nội vụ.

Trải qua 30 năm hoạt động, Tổng Hội XDVN đã không ngừng phát triển lớn mạnh. Tổng Hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện, tập hợp các tổ chức Hội chuyên ngành về xây dựng, Hội Xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội viên tập thể, chi hội và hội viên là công dân Việt Nam là chuyên gia đầu ngành về xây dựng. Tổng Hội XDVN là Hội thành viên mạnh của Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, có mối quan hệ hợp tác, phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan, với các Ủy ban của Quốc hội.

Sau 30 năm thành lập, Tổng Hội XDVN đã có nhiều cố gắng, vượt qua những khó khăn, thách thức, và đã đạt được nhiều thành tích trong hoạt động, không ngừng phát triển về tổ chức, tăng cường các hoạt động theo điều lệ. Đến nay, Tổng Hội XDVN có 11 Hội chuyên ngành trung ương, 43 Hội Xây dựng địa phương, 11 tổ chức KHCN trực thuộc, trên 50 hội viên tập thể và chi hội trực thuộc với hàng vạn hội viên.

Tổng hội XDVN và các Hội thành viên đã tập hợp được nhiều chuyên gia giỏi, có uy tín trong các lĩnh vực xây dựng, tham gia phản biện xã hội, phản biện nhiều dự án, dự thảo Luật, các văn bản pháp quy của Nhà nước; Chủ trì thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu KHCN, tổ chức nhiều hội thảo khoa học và chuyên đề; triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật và tăng cường công tác đối ngoại với các Hội, Hiệp hội kỹ thuật quốc tế.

Phát biểu tại buổi Lễ, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải biểu dương những nỗ lực và thành tích đạt được của Tổng Hội XDVN trong 30 năm xây dựng và phát triển, đồng thời đánh giá, những năm qua, Tổng Hội XDVN đã tham gia rất tích cực, khoa học, khách quan và trách

Hà Nội, ngày 05 th



Chủ tịch Tổng hội XDVN thay mặt Tổng hội đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba



Chủ tịch Tổng hội XDVN Trần Ngọc Hùng phát biểu tại buổi Lễ

nhiệm trong công tác phản biện, giám định xã hội. Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải mong rằng đội ngũ trí thức và khoa học kỹ thuật của Tổng Hội XDVN sẽ tiếp tục phát huy công tác này trong những năm tới. Về hoạt động KHCN, Phó Thủ tướng lưu ý Tổng Hội XDVN, ngoài việc tổ chức thực hiện các đề tài KHCN, lập các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu, còn cần tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, chính sách pháp luật cho hội viên. Trong thời gian tới, cần tập hợp đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật để chủ động đề xuất các đề tài cấp nhà nước, gắn với tình hình thực tiễn của đất nước, nhằm giải quyết các vấn đề thực tế có hiệu quả, chủ động hợp tác với các Hội Xây dựng của các nước để tiếp cận, tiếp thu, phổ biến những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến cho các hội viên.

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải cũng bày tỏ sự tin tưởng, với truyền thống 30 năm xây dựng và phát triển, Tổng Hội XDVN sẽ không ngừng vươn lên, thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả lớn hơn nữa trong thời gian tới, đóng góp nhiều hơn nữa sức lực và trí tuệ cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

Cũng nhân dịp này Tổng hội đã tiến hành Đại hội nhiệm kỳ lần thứ VII, tổng kết đánh giá hoạt động nhiệm kỳ VI và vạch ra chương trình

công tác cho nhiệm kỳ VII, Bầu BCH mới và lãnh đạo Tổng hội xây dựng Việt Nam nhiệm kỳ 2012 - 2017.

Đại hội nhiệm kỳ VII đã bầu 158 Ủy viên BCH, 5 Ủy viên Ban Kiểm tra, 23 Ủy viên Đoàn chủ tịch, Thường trực Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tịch và 8 Phó Chủ tịch. Ông Trần Ngọc Hùng được tái cử làm Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam.

Minh Tuấn

LỄ KHEN THƯỞNG THÀNH TÍCH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Sáng ngày 05/10/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ Khen thưởng thành tích Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, trao các quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng cho các tập thể và cá nhân có thành tích tiêu biểu tham gia lập Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tham dự buổi Lễ có các đồng chí Thứ trưởng Bộ Xây dựng: Nguyễn Trần Nam, Phan Thị Mỹ Linh, Nguyễn Thanh Nghị; Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Văn Khôi; Tham tán Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam Sohn Woo Jun; Phó Chủ tịch Tập đoàn Posco (Hàn Quốc) kiêm Chủ tịch Công ty Posco E&C Chung Dong Hwa; lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện có liên quan của Bộ Xây dựng và các sở, ngành của UBND thành phố Hà Nội; các tập thể và cá nhân được khen thưởng.

Tại buổi Lễ, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước và Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã trao Huân chương Lao động hạng Ba cho Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng, trao Huy chương Hữu nghị cho Công ty Posco E&C; Cũng tại buổi Lễ, 17 cá nhân có thành tích xuất sắc đã được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 4 tập thể và 13



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam trao Huân chương Lao động Hạng Ba cho Cục Phát triển đô thị Bộ Xây dựng



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam trao Huy chương Hữu nghị cho Công ty Posco E&C

cá nhân được tặng thưởng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Chung Dong Hwa - Chủ tịch Công ty Posco E&C bày tỏ vui mừng và vinh dự được nhận Huy chương Hữu nghị của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam về thành tích trong việc tham gia lập Đồ án quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Thay mặt lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty Posco E&C, ông Chung Dong Hwa cảm ơn sự giúp đỡ, hỗ trợ và phối hợp của Bộ Xây dựng,

UBND thành phố Hà Nội, các cơ quan nhà nước, các đơn vị tư vấn của Việt Nam trong quá trình lập Đồ án. Đồng thời, ông Chung Dong Hwa bày tỏ mong muốn, trong thời gian tới Posco E&C tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Bộ Xây dựng, các Bộ ngành liên quan, các địa phương của Việt Nam trong các dự án đầu tư xây dựng của Posco E&C tại Việt Nam.

Minh Tuấn

Cải cách thuế bất động sản của Trung Quốc - tiến trình và thách thức

Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng nhanh chóng kể từ năm 1978, khi nước này thông qua chính sách mở cửa thông thương với thế giới và tiến hành cải cách kinh tế. Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới tính theo GDP, mức tăng doanh thu thuế hàng năm của nước này đạt khoảng 20% kể từ cuộc cải cách tài chính năm 1994.

Tuy nhiên, nhiều chính quyền địa phương ở Trung Quốc vẫn gặp khó khăn về tài chính và vẫn vướng vào những khoản nợ khổng lồ trong những năm gần đây vì những nhiệm vụ trung ương không được cấp vốn và khoảng cách tài chính giữa trách nhiệm chi và khả năng thu. Chẳng hạn, năm 2008, chính quyền địa phương Trung Quốc gánh 79% trong tổng chi của toàn chính quyền, trong khi doanh thu của toàn chính quyền chỉ là 47% (Man 2011).

Không như những nước phát triển, các chính quyền địa phương Trung Quốc (tỉnh, quận, thị xã, thị trấn) không được cấp bất cứ quyền hợp pháp nào để đánh thuế hay cho mượn, và thuế bất động sản đóng vai trò rất hạn chế trong cơ cấu tài chính công địa phương. Kết quả là, nhiều chính quyền địa phương tìm đến những nguồn doanh thu ngoài ngân sách, phí cho thuê quyền sử dụng đất, các loại phí và phụ phí khác, và các khoản vay gián tiếp từ các ngân hàng để đầu tư cho cơ sở hạ tầng và phát triển

kinh tế địa phương.

Trong giai đoạn từ 1991 đến 2008, phí cho thuê đất (còn được gọi là phí chuyển nhượng đất) tăng từ 5,7% trong tổng thu ngân sách địa phương lên 43,5%. Việc quá phụ thuộc vào tiền phí cho thuê đất bị chỉ trích như một nhân tố quan trọng đẩy giá nhà lên cao và tăng số trường hợp tham nhũng và tranh chấp đất ở Trung Quốc.

Năm 2005, Cục Quản lý Nhà nước về Thuế (SAT) đã biên soạn Quy định thử nghiệm đánh giá thẩm định bất động sản gồm 12 chương và 40 điều về thu thập dữ liệu, các tiêu chuẩn và hệ thống CAMA. Tất cả các thành phố thí điểm đều hoàn thành công tác đánh giá mô phỏng và đã tính toán được gánh nặng thuế cũng như doanh thu thuế theo các kịch bản thuế suất khác nhau. Năm 2011 mỗi tỉnh có ít nhất một thành phố được lựa chọn để thực hiện công tác đánh giá giá trị bất động sản của bất động sản mua mới nhằm thu thập chứng thư thuế.

Sự phát triển quan trọng nhất xảy ra vào đầu năm 2011, khi Thượng Hải bắt đầu thu thuế đối với nhà mua mới thứ hai của dân thành phố này và nhà đầu tiên của người không phải dân thành phố này dựa trên giá trị giao dịch sau khi trừ đi thuế cơ sở của 60m²/người. Thành phố Trùng Khánh đang hướng tới đơn vị gia cư một gia đình và đơn vị gia đình sống trong

những căn hộ xa xỉ mua mới hoặc căn hộ mua mới thứ hai của người không phải cư dân thành phố. Chương trình này không tính 80m² cho đơn vị gia cư một gia đình và 100m² cho các căn hộ ở Trùng Khánh.

Theo báo cáo có khoảng 8.000 lô đất được đánh thuế bất động sản ở hai thành phố này, dù sau một năm thí điểm chỉ thu được một khoản thu nhập thuế nhỏ, vốn định dùng để cấp vốn cho nhà ở thu nhập thấp. Dù cơ sở thuế, thuế suất và khoản thu từ thuế ở hai thành phố này đều rất ít, nhưng những nỗ lực này vẫn được coi là một bước tiến lớn hướng tới cuộc cải cách thuế bất động sản ở Trung Quốc.

Thách thức tương lai

Cuộc cải cách thuế bất động sản của Trung Quốc vẫn còn phải đối mặt với rất nhiều thách thức to lớn dù hiện nay nó đã được người dân cũng như truyền thông Trung Quốc thấu hiểu rất nhiều. Trước tiên, nó vấp phải sự kháng cự của những nhóm lợi ích có tầm ảnh hưởng khác nhau. Những người phản đối thuế bất động sản gay gắt nhất chính là những quan chức chính quyền địa phương, cùng với những nhà đầu tư và đầu cơ bất động sản. Nhiều chính quyền địa phương tin rằng việc thông qua loại thuế này sẽ làm giảm giá trị nhà, hệ quả là giảm nhu cầu đất, từ đó giảm phí chuyển nhượng đất thu được từ hợp đồng cho thuê đất thuộc sở hữu nhà nước. Hơn nữa, quan chức chính quyền địa phương ở Trung Quốc được đánh giá dựa trên vai trò của họ trong công tác thúc đẩy GDP địa phương, và các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thường được sử dụng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương. Các quan chức chỉ muốn được tiếp cận không giới hạn đối với khoản phí chuyển nhượng đất vì khoản tiền đó có thể thu và sử dụng mà không bị kiểm soát kỹ lưỡng, và nó có thể tạo ra một khoản doanh thu lớn để sử dụng trong nhiệm kỳ của quan chức đó.

Thách thức thứ hai là sự phát triển chậm của công tác chuẩn bị cũng như vấn đề pháp lý của hệ thống thuế bất động sản. Cần phải hình

thành luật và các quy định về thuế bất động sản, bao gồm cả luật định giá và các tiêu chuẩn về người định giá. Khoảng 100.000 định giá viên sẽ được đào tạo và cấp chứng nhận theo những tiêu chuẩn này. Thứ ba, vẫn còn thiếu sự đồng thuận liên quan tới việc xác định cơ sở thuế, trừ thuế và miễn thuế; phân định trách nhiệm quản lý, đặt mức thuế suất và định giá; và phân bổ doanh thu thuế. Thứ tư, tình trạng lạ lẫm chung với thuế bất động sản sẽ dẫn tới tình trạng tiếp tục hiểu sai và nhận thức sai về loại thuế này.

Nhưng đồng thời, ngày càng nhiều người dân đô thị nhận ra rằng thuế thu hàng năm dựa trên giá trị được định giá của bất động sản, cả của người dân và doanh nghiệp, có thể được sử dụng như một khoản doanh thu hiệu quả và bền vững đối với chính quyền địa phương, và có tác dụng giúp giảm sự phụ thuộc của họ vào khoản phí và thuế chuyển nhượng đất vốn chỉ góp phần đẩy giá nhà lên cao. Sau chính sách hạn chế mua nhà và chính sách thắt chặt tiền tệ của chính quyền trung ương, phí chuyển nhượng, cho thuê đất trong năm 2011 đã bắt đầu giảm ở nhiều thành phố.

Theo một báo cáo gần đây của Viện số liệu Trung Quốc (2012), phí chuyển nhượng đất ở 130 thành phố đã giảm 11% so với năm 2010. Thượng Hải và Bắc Kinh giảm lần lượt là 16 và 35,7%. Mức giảm mạnh này cũng đem lại cơ hội cho các chính quyền địa phương tìm kiếm những cách bền vững hơn để cân bằng giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cung cấp hàng hóa, dịch vụ công. Về lâu về dài, việc thiết lập một hệ thống thuế bất động sản có thể đem lại một cách bền vững, hiệu quả và công bằng để cấp vốn cho các chi tiêu của chính quyền cũng như để phát triển địa phương.

Thuế bất động sản được xem là một phương thức hiệu quả để giảm giá nhà, ngăn chặn tình trạng đầu cơ bất động sản và giảm tỉ lệ trống. Nhiều nhà nghiên cứu tin rằng các chính quyền địa phương đã nỗ lực hạn chế nguồn cung đất

để đẩy giá đất lên cao và tối đa hóa doanh thu, dẫn đến hiện tượng giá nhà tăng lên nhanh chóng và thiếu nhà ở giá cả phải chăng ở đô thị Trung Quốc. Đánh thuế bất động sản dân sinh có thể tăng chi phí cơ hội của việc để tài sản trống hoặc nhàn rỗi và giảm động cơ dẫn tới hành động đầu cơ. Loại thuế này cũng được xem là cách hiệu quả để thu hẹp khoảng cách về thu nhập và sự giàu có giữa những người dân đô thị và giảm đầu tư mang tính đầu cơ trong ngành nhà ở.

Kết luận

Cuộc cải cách thuế bất động sản ở Trung Quốc có nhiều tiến bộ trong nghiên cứu và thử nghiệm ứng dụng, và nó đã bắt đầu tích lũy động lực để hướng tới mục tiêu được người dân và chính quyền địa phương hiểu và chấp nhận rộng rãi. Nhưng để thiết lập thành công thuế bất động sản như một nguồn thu quan trọng trong hệ thống tài chính công địa phương không chỉ đòi hỏi các kỹ thuật định giá và thiết kế thuế mà còn đòi hỏi quyết tâm chính trị và cải cách hành chính. Cuộc cải cách này có thể dẫn tới thay đổi

đáng kể trong quan hệ liên chính quyền cũng như vai trò của chính quyền trong cơ cấu kinh tế, chính trị Trung Quốc.

Học viện Lincoln, kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển của Ủy ban Nhà nước (DRC), Bộ Tài chính (MOF) và Cục Quản lý Nhà nước về Thuế (SAT), đã bắt đầu hỗ trợ nghiên cứu về thuế bất động sản cùng với chính quyền Trung Quốc từ năm 2004. Năm 2007, Trung tâm Phát triển Đô thị và Chính sách đất Đại học Peking – Học viện Lincoln (PLC) được thành lập ở Bắc Kinh, một phần là để hỗ trợ tổ chức các buổi hội thảo quốc tế và các chương trình đào tạo cho các cán bộ thuế bất động sản ở các thành phố thí điểm. Trung tâm tiếp tục hỗ trợ các chuyên gia trong nước và quốc tế thực hiện các dự án nghiên cứu và chứng thực thuế bất động sản cùng những vấn đề liên quan.

Joyce Yanyun Man

Học viện Chính sách đất đai Lincoln

Nguồn: Tạp chí Land Lines tháng 4/2012

ND: Trần Thu Huyền

Chính sách nhà ở của Belarusia

Đây là lần đầu tiên dự thảo Chính sách nhà ở quốc gia Belarusia (sau đây viết là dự thảo CSNO) được đưa ra lấy ý kiến nhân dân. CSNO mới sẽ được áp dụng trong vòng 4 năm tới có nội dung khác nhiều so với CSNO đã và đang được thực hiện tại Belarusia trong 15 năm qua.

Dự thảo cho thấy từ năm 2006 đến 2011 tại Belarusia đã xây dựng được 31,7 triệu m² nhà ở; nhờ đó 241,6 nghìn hộ gia đình với tổng số trên 1 triệu người dân đã được cải thiện điều kiện ở. Trên 60% số nhà ở (bằng 19,4 triệu m²) đã được người dân tự xây dựng với sự hỗ trợ của Nhà nước. Đến cuối năm 2010, xét về khối lượng nhà ở được xây dựng và đưa vào sử dụng (đạt 699 m²/1.000 dân) Belarusia đứng đầu trong số các quốc gia thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) và vị trí thứ hai xét về

bình quân diện tích nhà ở với 24,6 m²/người.

Những thành công nêu trên là kết quả của sự phối hợp nỗ lực giữa cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, hệ thống ngân hàng và nhà xây dựng là chính người dân. Dự định trong 4 năm tới những công tác xây dựng nhà ở sẽ còn được hoàn thiện hơn.

Theo đó sự hỗ trợ của Nhà nước dành cho người dân để xây dựng và mua nhà ở sẽ giảm, vì nhiều lý do khác nhau.

Sự hỗ trợ mà Nhà nước dành cho người dân được triển khai thực hiện trong những năm trước đây trong lĩnh vực xây dựng mới nhà ở cũng như những điều kiện ưu đãi chưa từng có được tạo ra cho việc xây dựng nhà ở khiến số lượng người dân chỉ trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước để cải thiện điều kiện ở đã tăng lên

đáng kể. Chẳng hạn, nếu tính đến tháng 1/2006 theo thống kê có 565.000 hộ gia đình đăng ký nhu cầu cải thiện điều kiện ở thì đến tháng 1/2012 con số này đã tăng lên đến 849.000 hộ.

Rõ ràng là số lượng đối tượng cần cải thiện điều kiện ở không tương xứng với nhu cầu thực tế về cải thiện điều kiện ở và cũng không phù hợp với khả năng hỗ trợ của Nhà nước.

Những năm qua, số lượng các trường hợp người dân có hành vi thiếu trách nhiệm đã tăng lên đáng kể khi mà những người có kỳ vọng nhận được nhà ở mới xây dựng bằng sự hỗ trợ của Nhà nước lại thực sự có ít nhu cầu hơn những người khác.

Vì vậy, CSNO cho giai đoạn 2012 - 2015 sẽ hướng đến các đối tượng cụ thể căn cứ vào khả năng tài chính thực tế của người dân và sự ưu tiên lựa chọn nhà ở của họ.

Dự thảo cho thấy CSNO sẽ được thực hiện theo hai hướng chủ yếu. Một là cải thiện điều kiện ở cho người dân không bằng sự hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước mà thông qua việc phát triển các cơ chế tài chính mới (như tín dụng thế chấp bất động sản, quỹ đầu tư tập thể,...), kể cả việc tạo ra các điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng mới nhà ở trên cơ sở kinh doanh, tăng cường đưa các nhà ở đã xây dựng xong vào thị trường cho thuê bất động sản và nâng cao tính phù hợp của các loại nhà ở đó đối với khả năng chi trả của người dân.

Hướng thứ hai là cải thiện điều kiện ở cho người dân thông qua sự hỗ trợ của Nhà nước có sự phân biệt theo các đối tượng khác nhau và hỗ trợ cho các đối tượng cụ thể.

Những người không đủ điều kiện được nhận sự hỗ trợ của Nhà nước sẽ phải tự giải quyết vấn đề nhà ở của họ. Trách nhiệm của Nhà nước là đảm bảo cung cấp cho người dân nhiều sự lựa chọn khác nhau để giải quyết vấn đề nhà ở, từ việc xây dựng nhà ở mới cho đến mua nhà ở trên thị trường nhà ở thứ cấp, thuê nhà ở thuộc quỹ nhà ở của Nhà nước hoặc của tư

nhân và các quỹ nhà ở khác.

Sự hỗ trợ theo các đối tượng cụ thể

Các đối tượng thuộc diện được nhận sự ưu đãi hỗ trợ của Nhà nước như trước đây sẽ vẫn được Nhà nước cho vay tín dụng ưu đãi (lãi suất từ 1% /năm đến 20% /năm trong thời gian từ 20 năm đến 40 năm tùy theo từng loại đối tượng), kể cả được trợ cấp.

Đối với các đối tượng thuộc diện được Nhà nước hỗ trợ ưu đãi thì từ năm 2013 sẽ được hỗ trợ thêm thông qua cơ chế mới giúp họ cải thiện điều kiện ở theo đó hàng năm Nhà nước đều đặt hàng xây dựng nhà ở mới cho các đối tượng này. Mục tiêu của cơ chế mới là giúp các đối tượng đó hoàn toàn không phải tham gia vào quá trình đầu tư xây dựng nhà ở thay vào đó Nhà nước sẽ cấp nhà ở mới cho họ song song với việc họ có nghĩa vụ vay tín dụng của Nhà nước.

Để thực hiện cơ chế đó, các đại diện chủ đầu tư của Nhà nước (thông thường là các chính quyền địa phương) sẽ được giao quản lý các nguồn lực tài chính, hành chính, các quyền hạn và trách nhiệm liên quan đến công tác quy hoạch, kế hoạch, điều phối các hoạt động của các bên tham gia quá trình đầu tư, thời hạn, chất lượng và kiểm soát giá nhà ở.

Các đối tượng có nhu cầu nhận được sự bảo trợ xã hội sẽ được xem xét cấp nhà ở xã hội.

Hiện nay có tất cả 12 loại đối tượng được nhận chỗ ở trong các nhà ở xã hội mà không phải xem xét tình trạng tài sản và 7 loại đối tượng được nhận chỗ ở trong các nhà ở xã hội với điều kiện có xem xét hiện trạng tài sản.

Từ năm 2012 đến năm 2015 phần lớn các đối tượng mà còn ít được bảo trợ xã hội nhất (như trẻ mồ côi, người tàn tật, cựu chiến binh và hàng loạt các đối tượng khác) sẽ vẫn tiếp tục được nhận chỗ ở trong các nhà ở xã hội.

Các cơ quan quản lý nhà nước của nước cộng hòa và của địa phương, các cơ quan, tổ chức nhà nước thành lập các quỹ nhà ở xã hội bằng kinh phí từ ngân sách. Quỹ này gồm có các loại chỗ ở thuộc quỹ nhà ở của Nhà nước

mà có được bằng những cách sau: Xây dựng (hay cải tạo), mua hoặc nhà ở đang để trống do đã chuyển người sử dụng đi chỗ khác mà có đủ chất lượng sử dụng theo tiêu chuẩn. Để thành lập các quỹ nhà ở xã hội thì cách làm được ưu tiên áp dụng không phải là xây dựng mà chính quyền địa phương hoặc các cơ quan quản lý nhà ở mua nhà ở trên thị trường nhà ở thứ cấp do đó giảm đáng kể thời gian cung cấp loại nhà ở này cho cư dân.

Các tiêu chí bảo đảm nhà ở được xem xét khi nhà nước hỗ trợ cũng đã và đang được thay đổi một cách căn bản. Nếu hiện nay chỉ loại nhà ở có kỳ vọng nhận được sự hỗ trợ của nhà nước và thuộc sở hữu của các thành viên hộ gia đình ngay tại điểm dân cư nơi họ đang sinh sống, mới được nhà nước hỗ trợ thì trong tương lai nhà ở được nhận sự hỗ trợ của nhà nước sẽ là tất cả các loại nhà ở đang thuộc sở hữu của công dân Belarusia hoặc thành viên gia đình của họ mà nằm trong lãnh thổ của Belarusia kể cả các nhà ở là tài sản riêng của họ. Dự thảo cũng đề xuất các đối tượng cư dân đề nghị Nhà nước và cộng đồng hỗ trợ hoặc quan tâm cũng sẽ được ưu đãi. Trong số các đối tượng đó có những người bị hạn chế mang tính khách quan về khả năng tạo thu nhập, những người đang rất khó khăn về kinh tế mà không do lỗi của bản thân họ, những người có đóng góp tích cực cho sự nghiệp dân số và giáo dục thế hệ trẻ, những người giữ trách nhiệm cao trong cộng đồng.

Cùng với những điều đó một vấn đề cũng được đặt ra là giảm thời gian chờ đợi của những người đang có nhu cầu cải thiện điều kiện ở đến mức thời gian hợp lý. Cụ thể, đến năm 2020 thời gian chờ đợi được cải thiện điều kiện ở đối với các hộ gia đình nhiều con và các đối tượng ít nhận được sự bảo trợ xã hội dự định sẽ giảm còn 2 năm, các đối tượng ưu đãi khác sẽ là 7 năm.

Quỹ nhà ở cho thuê

Một trong các ưu tiên của CSNƠ là thành lập và phát triển quỹ nhà ở của Nhà nước cho thuê theo hình thức kinh doanh.

Việc cho thuê dài hạn nhà ở theo hình thức kinh doanh là một cơ chế mới về nguyên tắc giúp cải thiện điều kiện ở cho cư dân mà đã bắt đầu được triển khai tích cực từ năm 2012.

Trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2015 không dưới 600.000 m² nhà ở cho thuê theo hình thức kinh doanh dự định sẽ được xây dựng và sẽ hình thành quỹ nhà ở của Nhà nước dành cho việc kinh doanh. Tất cả các đối tượng có nhu cầu được thuê loại nhà ở này đều sẽ được cho thuê nhà ở theo hình thức kinh doanh từ quỹ nhà ở của Nhà nước và phải theo thứ tự xếp hàng thống nhất. Được ưu tiên thuê loại nhà ở này là những đối tượng hiện chưa có chỗ ở phù hợp với các tiêu chuẩn, định mức đã được pháp luật quy định.

Nhà ở cho thuê theo hình thức kinh doanh sẽ được đầu tư xây dựng với sự thu hút rộng rãi các nguồn vốn ngoài ngân sách kể cả vốn tín dụng, vốn của các tổ chức, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Với mục tiêu khuyến khích phát triển loại nhà ở cho thuê theo hình thức kinh doanh dự định sẽ thực hiện miễn giảm thuế tài sản cho những người sử dụng loại nhà này tương ứng với số tiền mà họ dùng để chi trả cho việc thuê nhà. Trong tương lai hình thức miễn giảm thuế nêu trên cũng sẽ được áp dụng đối với các đối tượng thuê nhà ở của tư nhân mà có ký hợp đồng thuê nhà.

Đến năm 2015 quỹ nhà ở cho thuê theo hình thức kinh doanh sẽ được bàn giao tất cả các nhà ở tập thể, nhà ở công vụ đang thuộc sở hữu công kể cả các nhà ở tập thể của các bộ, ngành mà hiện nay đang thuộc quyền sử dụng của các đối tượng đã không còn sự liên hệ với các cơ quan, tổ chức là chủ sở hữu của các ngôi nhà, các nhà tập thể đó; đồng thời giá thuê theo hình thức kinh doanh đối với các loại nhà nêu trên cũng sẽ được thay đổi một cách tương ứng.

Trong năm 2012 sẽ phát triển cơ chế khuyến khích xây dựng nhà ở cho thuê theo hình thức kinh doanh kể cả áp dụng hình thức đối tác Công - Tư do vậy từ năm 2013 đến năm 2015

khối lượng nhà ở cho thuê theo hình thức kinh doanh được đưa vào sử dụng sẽ tăng mạnh.

Trong thời gian 2012 - 2015 sẽ triển khai thực hiện các biện pháp nâng cao tính minh bạch của thị trường tư nhân cho thuê nhà ở theo hình thức kinh doanh, đưa các mối quan hệ cho thuê theo hình thức kinh doanh ra khỏi “bóng tối” và thực hiện bảo vệ lợi ích hợp pháp của công dân (của cả những người thuê nhà và người cho thuê nhà).

Trong khuôn khổ những công việc nêu trên, việc miễn giảm thuế tài sản cho những đối tượng thuê nhà ở theo hình thức kinh doanh trên có ký hợp đồng thuê nhà ở với các cá nhân dự định cũng sẽ được triển khai thực hiện.

Các doanh nghiệp là người đứng ra thuê nhà ở theo hình thức kinh doanh cho cán bộ công nhân viên của họ sử dụng và có ký hợp đồng thuê nhà ở với các chủ sở hữu nhà cho thuê là cá nhân, cũng sẽ được miễn giảm thuế tài sản. Đồng thời dự thảo CSNO cũng đề xuất tăng cường trách nhiệm hành chính đối với hành vi cho thuê nhà ở theo hình thức kinh doanh vi phạm pháp luật trong đó chủ sở hữu nhà ở cho thuê nhà ở theo hình thức kinh doanh mà không lập và ký hợp đồng theo trình tự đã được pháp luật quy định thì người cho thuê nhà ở và cả người thuê nhà ở cũng sẽ phải chịu trách nhiệm hành chính. Dự thảo cũng đề xuất việc áp dụng các mức chi trả khác nhau đối với công tác phục vụ, bảo dưỡng cho các nhà ở thuộc sở hữu tư nhân mà vượt quá định mức đã được quy định hoặc chưa cho thuê.

Rút ngắn thời gian xếp hàng chờ căn hộ

Dự thảo cũng đề xuất việc thay đổi cách tiếp cận lập thứ tự xếp hàng của những người có nhu cầu cải thiện điều kiện ở. Trong tương lai chỉ những đối tượng được ưu tiên - nghĩa là những đối tượng được nhận sự hỗ trợ của Nhà nước mới được xem xét ghi vào danh sách đăng ký nhu cầu cải thiện điều kiện nhà ở. Quy định mới này sẽ không áp dụng đối với những người đã đăng ký thứ tự cải thiện điều kiện ở

trước khi CSNO mới này được ban hành.

Đến năm 2004 với mục tiêu tự động hoá việc lập danh sách đăng ký nhu cầu cải thiện điều kiện nhà ở sẽ thành lập hệ thống đăng ký điện tử quốc gia thống nhất. Việc đăng ký sẽ được thực hiện theo từng hộ gia đình. Việc áp dụng hình thức đăng ký điện tử thống nhất sẽ cho phép nhanh chóng bổ sung những thay đổi đối với từng hộ gia đình như cơ cấu hộ gia đình, thu nhập, việc các thành viên trong hộ được sở hữu nhà ở riêng và các tiêu chí thống kê liên quan khác. Do đó cư dân của Belorussia có thể theo dõi được sự thay đổi trong thứ tự xếp hàng của họ trong hệ thống đăng ký thống nhất nêu trên theo thời gian thực.

Với mục tiêu giám sát thị trường nhà ở, việc lập các kế hoạch phát triển hàng năm và 5 năm của ngành xây dựng, cơ quan chính quyền các tỉnh và chính quyền thành phố Minsk (thủ đô của Belorussia) sẽ tiến hành thống kê các đối tượng chưa được bảo đảm nhà ở phù hợp với các tiêu chuẩn, định mức đã được pháp luật quy định tuy nhiên sẽ không tính các đối tượng thuộc diện được ưu đãi nêu trên.

Các cơ chế tài chính

Trong năm 2012 cơ chế vay tín dụng thế chấp bất động sản sẽ được phát triển. Với mục tiêu đó Luật Belorussia ban hành ngày 20/6/2008 về “Tín dụng thế chấp bất động sản” sẽ được bổ sung trên cơ sở nguyên tắc bảo đảm tính dễ tiếp cận và sức thu hút đối với tín dụng dài hạn thế chấp bất động sản cung cấp cho nhân dân. Trong số các biện pháp được dự thảo nêu ra là áp dụng biện pháp ưu đãi về thuế đối với người vay; thực hiện cơ chế mới về tài sản thế chấp; thành lập cơ quan Nhà nước về tín dụng thế chấp bất động sản nhằm bảo đảm sự hoạt động của thị trường thứ cấp tín dụng thế chấp bất động sản.

Tất cả các cư dân đều được tạo điều kiện tích lũy tiền có mục tiêu cho nhà ở. Cơ chế sẽ bao gồm hai giai đoạn, đầu tiên cư dân nộp tiền và sau khi nhận nhà là giai đoạn trả vay tín

dụng. Trên giai đoạn đầu, cư dân ký hợp đồng trong đó xác định tổng giá trị của hợp đồng (bao gồm tổng giá trị các khoản tiền nộp của người nộp tiền, lãi suất tính cho từng khoản nộp, tổng số tiền mà người nộp tiền cần vay và chi phí bảo hiểm) và thời hạn của hợp đồng (tính cả thời gian trả vay). Bằng kinh phí ngân sách, Nhà nước sẽ trả cho cư dân tiền bảo hiểm tương ứng với số tiền mà cư dân đã nộp nhằm bảo toàn cho số tiền tích lũy trước các quá trình lạm phát. Sau khi đã nộp tích lũy đủ số tiền bằng từ 25% đến 50% của giá trị xây dựng, cư dân sẽ được vay tín dụng với lãi suất thấp hơn để thanh toán nốt số tiền còn thiếu đối với việc xây dựng nhà.

Đối với thị trường nhà ở thứ cấp thì khả năng dễ tiếp cận loại nhà ở này đối với cư dân phụ thuộc vào giá nhà mà giá nhà lại phụ thuộc vào mức cung và mức cầu. Dự thảo cho rằng với việc xây dựng nhà ở trên quy mô lớn sẽ tăng mức cung mà kết quả là thời gian vừa qua giá nhà ở đã từng bước giảm hơn.

Ngoài các biện pháp nêu trên, Dự thảo đề xuất việc tạo ra các điều kiện kinh tế thuận lợi cho việc thành lập và phát triển các thể chế tài chính mới đầu tư tập thể như các quỹ đầu tư, các tổ chức bảo hiểm, các quỹ quản lý ngân hàng.

Dự thảo đề xuất tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích cực thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp với tư cách là người thuê nhà và các tổ chức công đoàn vào việc triển khai thực hiện CSNO của Nhà nước thông qua việc bổ sung vào “gói các biện pháp xã hội” các biện pháp hỗ trợ cho cán bộ công nhân viên cải thiện điều kiện nhà ở.

Đối với các đối tượng cư dân mà mức bảo đảm nhà ở của họ thấp hơn định mức đã được quy định thì các đối tượng này sẽ được vay tín dụng ngân hàng để cải thiện điều kiện nhà ở với lãi suất vay thấp hơn (giảm không dưới 2%) so với lãi suất tín dụng thương mại. Các đối tượng trên còn được nhận các điều kiện ưu đãi về thuế và ưu đãi liên quan đến đất. Dự thảo đề

xuất việc thực hiện các biện pháp khuyến khích đối với các tổ chức thực hiện sự hỗ trợ cho cán bộ công nhân viên của họ cải thiện điều kiện nhà ở.

Các mục tiêu ưu tiên trong ngành Xây dựng

Việc xây dựng (cải tạo) nhà ở được thực hiện thông qua việc hình thành các khu vực nhỏ gọn được xây dựng đầy đủ các công trình hạ tầng xã hội và trang bị các hệ thống thiết bị công trình bảo đảm cuộc sống. Gần thành phố Minsk và các đô thị trung tâm của tỉnh sẽ xây dựng các đô thị vệ tinh. Tại các đô thị có số dân dưới 100.000 dân, các ô phố nhà ở trong đó chủ yếu là các loại nhà ở thấp tầng và trung tầng sẽ được xây dựng.

Với mục tiêu hình thành môi trường sống tiện nghi sẽ có nhiều hình thức mới tổ chức hạ tầng giao thông và hạ tầng xã hội được áp dụng một cách phổ biến (trong đó có loại nhà tổ hợp). Dự thảo đề xuất việc nâng cao tỷ trọng xây dựng nhà sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong tổng khối lượng nhà ở được đưa vào sử dụng từ mức 12% của năm 2012 lên mức 60% vào năm 2015, giảm từ 5% đến 7% khối lượng vật liệu sử dụng cho việc xây dựng nhà ở tùy theo từng loại nhà, giảm tỷ trọng các sản phẩm nhập khẩu được sử dụng cho nhà ở tính cho giá trị 1 m² nhà ở từ mức 20% - 21% hiện nay xuống còn 15%.

Một tổ hợp các biện pháp sẽ được áp dụng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư và xây dựng xây dựng loại nhà ở sử dụng ít năng lượng (kể cả các biện pháp ưu đãi thuế).

Một trong những vấn đề quan trọng hiện nay cần được giải quyết là đạt được sự cân đối giữa mức tiền lương trung bình của tháng và giá thành một m² nhà ở.

Dự thảo nêu ra ý tưởng nâng cao tỷ trọng nhà ở do cá nhân xây dựng trong tổng khối lượng nhà ở được đưa vào sử dụng từ mức 30% hiện nay lên mức 50%. CSNO mới nhấn mạnh đến ý nghĩa to lớn của sự phát triển các đô thị

nhỏ và trung bình và trong các đô thị đó thị trường lao động phát triển song song với phát triển quỹ nhà ở, chất lượng sống và tiện nghi không thấp hơn so với tại thủ đô và các đô thị trung tâm của tỉnh.

Trong giai đoạn 2012 - 2015 dự định trên 9 triệu m² nhà ở thương mại sẽ được đưa vào sử dụng.

Các nhà soạn thảo CSNO kỳ vọng việc triển khai thực hiện CSNO mới sẽ tạo điều kiện cho việc thực hiện quyền của công dân có nhà ở đảm bảo chất lượng, sinh thái và phù hợp khả năng kinh tế của nhân dân trên cơ sở cấp vốn cho hoạt động xây dựng nhà ở một cách cân đối và hợp lý. CSNO mới cũng dự tính việc kết hợp một cách hợp lý sự hỗ trợ của Nhà nước dành

cho các đối tượng cư dân không được bảo vệ về mặt xã hội với việc áp dụng các cơ chế mới cấp vốn và hỗ trợ cho hoạt động xây dựng nhà ở dành cho nhiều tầng lớp dân cư khác nhau.

Việc thực hiện CSNO sẽ được triển khai đồng thời với các biện pháp khác đã được soạn thảo dưới sự chỉ đạo của Chính phủ Belarusia trong đó có các kết quả lấy ý kiến công luận. Dự thảo sẽ được lấy ý kiến nhân dân cho đến ngày 15/5/2012 sau đó sẽ được hoàn chỉnh và trình thông qua.

Yelyzaveta Bulatyetskaya

Nguồn: Báo Xây dựng Nga, số 20/2012

Dịch và biên tập: Huỳnh Phước

Tàu điện cao tốc tại các thành phố lớn của Nga

Tại Volgograd (thành phố lớn nằm ở miền Nam nước Nga), tuyến tàu điện cao tốc có chiều dài 17 km đã được xây dựng từ năm 1984. Chủ yếu, tàu vận hành trên mặt đất, và hầu như không khác gì so với tàu điện thông thường, ngoài việc để bảo đảm vận tốc cao, các tuyến đường được xây cách biệt bảo vệ và không giao cắt với bất kỳ một loại phương tiện giao thông nào. Tại trung tâm thành phố, 7 km đường chui qua hầm được xây theo tiêu chuẩn đường hầm xe điện ngầm. Một điều ít người biết tới là tạp chí Forbes đã xếp tàu điện cao tốc của Volgograd đứng hàng thứ 4 trong bảng xếp hạng 12 tuyến tàu điện kỳ thú nhất thế giới.

Chính quyền thủ đô Moskva (Nga) vừa hoạch định lần cuối các tuyến đường sắt cao tốc. Thị trưởng thành phố - ông S.Sobianin đã ký những sắc lệnh phù hợp điều kiện trên. Với những tuyến theo các đường hiện hành chỉ cần tu bổ, cải tạo đường ray, không cần những khoản đầu tư lớn. Tại những địa điểm chưa có đường, các đường ray sẽ được tiến hành lắp đặt. Các cầu cạn như đối với tàu điện một ray không được đưa vào kế hoạch xây dựng. Tàu điện cao tốc sẽ xuất hiện ở Moskva trong một –

hai năm tới đây, song mong muốn đó của những người đứng đầu thành phố xem ra cũng còn nhiều trở ngại để đạt được.

Loại phương tiện giao thông mới này sẽ xuất hiện tại vùng ngoại ô Moskva. Đường tàu điện cao tốc cần kết nối với sân bay quốc tế Domodedovo và ga xe điện ngầm Krasnogvardeyskaya (đều nằm ở phía Nam thành phố). Tiếp đó, tàu điện cao tốc sẽ nối liền các quận Ramenskoe, Butovo, Solsevo, sân bay quốc tế Domodedovo và sân bay nội địa Vnukovo. Tàu điện cao tốc có 5 toa hiện đại hình dáng thuôn để đi xuyên, và cách bố trí trong các toa giống như toa xe điện ngầm. Các toa tàu sẽ được trang bị internet không dây (wifi) và điều hòa không khí. Hành khách sẽ bước lên toa từ các phòng đợi qua những cánh cửa quay. Các đường tàu cao tốc cách biệt hoàn toàn với mọi chuyển động của các dòng giao thông khác (ô tô, người đi bộ). Số lượng bến đỗ ít - dưới 10 bến cho mỗi tuyến đường. Vận tốc của loại phương tiện mới này có thể đạt 80 km/h - tức là nhanh hơn tàu điện thông thường tới 6-7 lần.

Theo thiết kế, tàu điện cao tốc sẽ vận hành

với quãng cách 3 - 4 phút. Vận tốc tối đa của tàu là 75 km/h. Tổng chiều dài toàn tuyến 21 km, thời gian trên mỗi quãng đường 7 km tại Moskva là 11 phút, trên toàn tuyến ước chừng 35 - 40 phút. Lượng hành khách vận chuyển tối đa trong giờ cao điểm dự kiến: trên đường vào đường vành đai từ phía ngoại ô là 6 - 8 nghìn người; trên hướng tiếp cận Đại lộ Entuziastov (gần địa điểm giao cắt với đường vòng thuộc tuyến xe điện ngầm Moskva) là 10 -12 nghìn người.

Người dân các khu vực ngoại vi Moskva mong chờ sự ra đời của tàu điện cao tốc tại thủ đô thực sự sẽ làm cho việc kết nối giao thông giữa họ với khu vực trung tâm được thuận tiện hơn, bởi vì thời gian trên các chuyến tàu cao tốc rõ ràng được rút ngắn rất nhiều. Bên cạnh đó, việc xây dựng tuyến cao tốc giúp giảm tải cho Đại lộ Entuziastov và Đại lộ Gorki, cũng như các ga tàu điện ngầm Novogireevo và Perovo. Và một điều hết sức quan trọng là môi trường sinh thái khu vực được cải thiện rõ rệt.

Theo đánh giá của Ủy ban Giao thông thành phố Moskva, vận tốc các đoàn tàu dưới 75 km/h thì không cần đầu tư lớn cũng có thể đạt được trên tất cả các tuyến đường. Điều kiện cơ bản nhất là xây những đường đi riêng cho tàu điện cao tốc.

Thủ đô của Nga liệu có cần tàu điện cao tốc? Vấn đề này đã được các chuyên gia luận bàn nhiều lần. Quận trưởng quận Đông Moskva, ông N. Lomakin cho rằng: theo đơn đặt hàng của Ủy ban Kiến trúc Moskva, các chuyên gia của cơ quan Nghiên cứu khoa học và Thiết kế Quy hoạch Tổng thể Moskva nên bổ sung thêm vào thiết kế tuyến tàu điện cao tốc một số hạng mục cầu cạn tại những nút giao phức tạp như địa điểm ga tàu điện ngầm «Đại lộ Entuziastov» - đầu mối trung chuyển giao thông vì đây là điểm giao cắt giữa tuyến tàu điện ngầm và tuyến vòng cung đường sắt Moskva; và cầu dành cho tàu điện cao tốc dọc theo đại lộ Entuziastov.

Giáo sư giảng dạy tại trường Đại học Cầu đường Moskva, ông V.Nosov nhận định:

“Moskva cần có tàu điện cao tốc. Phương tiện giao thông công cộng này rẻ hơn nhiều so với xe điện ngầm, mà năng lực vận chuyển hành khách lại tương đương. Nhưng thực tế mà nói, các tuyến đường chỉ nên xây dựng tại khu vực ven đô, nơi có nhiều đất và ít đường giao cắt. Song song với điều này, cần phát triển cả mạng lưới tàu điện thông thường. Chẳng hạn: kéo dài thêm các tuyến đường, bố trí tăng chuyến...”. Quan điểm này được ông I.Svetnikov, Giám đốc điều hành Liên hợp Giao thông Moskva cùng chia sẻ: “Ý tưởng rất tuyệt. Tàu điện cao tốc đã có tại nhiều nước trên thế giới, và đó là phương tiện giao thông thay thế tuyệt vời cho xe điện ngầm”. Thực tế, tại nhiều thành phố châu Âu, các nhà quản lý đã không tiếc vốn đầu tư để xây dựng các tàu điện cao tốc không tiếng ồn siêu hiện đại; các tuyến đường được xây riêng dành cho tàu tốc độ siêu nhanh; các đường phố trung tâm đóng cửa đối với mọi loại ô tô và chỉ để các tàu điện cao tốc hiện đại hoạt động. Ai đã từng tới Praha (thủ đô CH Séc & Slovakia) đều có thể khẳng định điều đó. Tại Praha, bằng tàu điện cao tốc và trung chuyển qua một số bến, du khách có thể du ngoạn khắp thành phố một cách thoải mái, thậm chí có cả những tuyến tàu chuyên hoạt động ban đêm. Từ thành phố Geneve xinh đẹp của Thụy Sĩ, các chuyến tàu cao tốc có thể đưa bạn tới tận nước Pháp. Còn trong khu vực trung tâm thủ đô Helsinki (Phần Lan) chỉ có thể di chuyển bằng tàu điện cao tốc. Và một điều hiển nhiên là bầu không khí tại những thành phố này vô cùng trong lành.

Trong một vài năm trở lại đây, 87 thành phố thuộc nhiều quốc gia trên thế giới đã tiến hành khôi phục lại mạng lưới tàu điện của mình hoặc xây mới. Tại thủ đô Viên (Áo), các toa tàu còn làm nhiệm vụ vận chuyển thay cho các xe tải. Dịch vụ này được các siêu thị, bệnh viện, và cả các đơn vị xây dựng sử dụng thường xuyên. Công việc vận chuyển được thực hiện vào ban đêm và không gây ồn ào.

Trở lại vấn đề liệu thủ đô Nga có cần tàu

điện cao tốc? Câu trả lời là có, và loại phương tiện giao thông hiện đại này càng cần thiết đối với vùng ngoại ô Moskva. Nghiên cứu được tiến hành tại một số quận ngoại thành như Leninski, Podolski, Ramenski... đã cho thấy: một loạt khu vực thị chính vùng Moskva không có các tuyến giao thông công cộng thẳng; nếu có thì giao thông thường xuyên trì trệ hoặc phương tiện bỏ bến rất nhiều. Tất nhiên, trong điều kiện như vậy, người dân cần thực hiện việc đi lại của mình bằng con đường xuyên qua Moskva, và điều này làm tăng áp lực vận tải cho hệ thống giao thông hiện hành. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, cần tạo sự kết nối các khu vực phía đông nam, phía nam và tây nam của vùng Moskva với những cửa ngõ xuyên tâm hướng tới những vùng tương thích trong nội đô. Vấn đề này rất quan trọng trong thời điểm hiện tại, khi mà quy hoạch mở rộng Moskva về phía tây nam cùng với sự góp mặt của hai đầu mối hàng không lớn (các sân bay Domodedovo và Vnukovo), và triển vọng phát triển vùng Moskva thành một khu vực thị chính đang rất được chú trọng. Một đồ án phù hợp xu hướng trên đã được trình Bộ Giao thông vận tải Nga, với phần trình bày cơ bản dành cho những ưu điểm khi sử dụng tàu điện cao tốc, bởi tính hợp lý về mặt kinh tế cũng như về mặt bảo vệ môi trường của thủ đô. Tàu điện cao tốc chính là loại phương tiện tối ưu tại các hành lang giao thông, với lượng vận chuyển hành khách từ 4 – 30 nghìn người mỗi giờ. Giá thành xây dựng 01 km đường tàu cao tốc thấp hơn giá thành xây dựng 01 km đường cho xe điện ngầm từ 3 – 8 lần; trong khi chất lượng vận chuyển (tốc độ, độ tin cậy, chuyển động liên tục không dừng đỗ) tương đương xe điện ngầm.

“Xây dựng xanh” tại Nga

Tiêu chuẩn “xanh” trong lĩnh vực xây dựng đã tồn tại từ 20 năm nay; tại Nga việc làm quen với các tiêu chuẩn này mới chỉ bắt đầu. Thực tiễn xây dựng trên toàn thế giới cho thấy: các

Phần lớn dân cư Zelenograd (thị trấn ven đô của Moskva) học tập và làm việc trong thành phố, nên từ lâu tàu điện cao tốc đã là ước mơ của họ. Do tình trạng kẹt xe thường xuyên diễn ra nếu đi lại bằng ô tô, theo tuyến đi dọc Đại lộ Lê Nin (hướng đi chính từ khu vực nội đô về Zelenograd) có thể kéo dài thời gian đi lại tới 3 giờ đồng hồ, nên người dân khu vực này chỉ ưa sử dụng loại phương tiện công cộng là tàu điện. Vào những giờ cao điểm buổi sáng và buổi chiều hàng ngày, các toa tàu luôn đầy ắp người...

Xây dựng hạ tầng giao thông của Moskva nói chung và xây dựng tàu cao tốc cho thủ đô nói riêng được rất nhiều nhà đầu tư Trung Quốc, Phần Lan, Thụy Điển, Đức, Ý, Singapore, Hàn Quốc sẵn sàng tham gia. Các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm trước hết là đầu tư cho các dự án hạ tầng dài hạn: xây các tuyến đường quốc lộ thu phí, các loại hình phương tiện giao thông mới như tàu điện cao tốc. Có những nhà đầu tư sẵn sàng tham gia xây dựng tuyến xe điện ngầm.

Hiện nay, loại hình xe điện nói chung đảm bảo gần 10% khối lượng vận chuyển tại Moskva, tức là xấp xỉ 1 triệu người mỗi ngày. Trong khi đó, các phương tiện cá nhân (3 triệu ô tô) đảm nhận 20% khối lượng vận chuyển - một phép so sánh nhỏ để chúng ta thấy rõ hơn hiệu quả kinh tế cũng như những lợi ích về mặt duy trì bầu không khí trong lành, môi trường sống thoáng đãng cho Thủ đô Moskva.

V.Gondusov

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 28

(13/7/2012)

ND: Lê Minh

tiêu chuẩn LEED của Mỹ và BREEAM của Anh được áp dụng nhiều nhất – tới 80% chứng nhận cho các công trình. Đó là những hệ thống đánh giá tương đồng như nhau, dựa trên việc lựa

chọn các yêu cầu kỹ thuật đối với các công trình, liên quan tới các yếu tố như vật liệu xây dựng; hạ tầng năng lượng cũng như nhu cầu tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước; giao thông và bến bãi; vấn đề sinh thái; các vấn đề liên quan tới việc khai thác công trình, ảnh hưởng của công trình tới môi trường xung quanh; vấn đề xử lý chất thải; tiểu vùng khí hậu bên trong...

Ý tưởng chủ đạo của “xây dựng xanh” là nhằm xây dựng được những công trình bất động sản đạt chất lượng, an toàn đối với cuộc sống con người cũng như thiên nhiên xung quanh. Theo ông Gai I. – Tổng Giám đốc Hiệp hội Xây dựng sinh thái Nga - hiện tại tổ chức của ông đã có 240 thành viên, và vẫn tiếp tục phát triển, mở rộng hoạt động từng ngày. Không chỉ các công ty xây dựng của Moskva và Sait Peterburg mà còn có nhiều doanh nghiệp, nhiều công ty từ các thành phố khác của Nga cũng tham gia Hiệp hội. Chính sự tham gia tích cực vào các hoạt động của Hiệp hội của các công ty xây dựng trên khắp nước Nga đã cho thấy : không chỉ các công ty xây dựng mà rất nhiều đơn vị thiết kế, nhà đầu tư, nhà xây dựng, các nhà tư vấn, nhà sinh thái học, những người quản lý các dự án phát triển cũng sẵn sàng áp dụng các tiêu chuẩn xanh vào hoạt động của mình.

Tuy nhiên, thực trạng hiện nay tại Nga là các dự án sinh thái đang được vận hành hết sức khó khăn. Khoảng 3 - 4 năm trước, khái niệm “xây dựng xanh” tại Nga còn chưa hề tồn tại, đơn giản vì chưa ai thấy được sự cần thiết trong đó. Trong nước chưa có những công ty sẵn sàng thuê văn phòng, chưa có những chủ đầu tư sẵn sàng bắt tay thực hiện các dự án xanh. Điều này trước hết bắt nguồn từ việc người dân chưa được làm quen với khái niệm xây dựng sinh thái. Bên cạnh đó, tại Nga cho tới thời điểm này có rất nhiều tiêu chuẩn (SNIIP) đang có hiệu lực song đã khá lỗi thời. Dựa vào những tiêu chuẩn thiếu tính cập nhật này, đại diện của Cục Giám định Quốc gia Nga có thể đặt dấu chấm hỏi, nếu công nghệ áp dụng trong xây dựng công trình đẩy giá thành xây dựng tăng

cao. Và còn một nguyên nhân nữa, không kém phần quan trọng - sự thiếu hụt đội ngũ chuyên gia giỏi chuyên ngành hẹp. Trong “xây dựng xanh”, cần sử dụng mô hình hóa năng lượng, mà những chuyên gia chuyên sâu trong lĩnh vực này của Nga - những người có khả năng lập mô hình năng lượng - hiện nay rất ít.

Giải thích nguyên nhân tại sao xây dựng xanh giờ đây vẫn chưa phổ biến rộng rãi, và vẫn được coi là lĩnh vực “xa xỉ” không dành cho đại bộ phận người dân Nga; ông Gai I. cho rằng: ngành xây dựng của Nga có những nét đặc thù, và cũng còn tồn tại nhiều vấn đề vẫn chưa được làm sáng tỏ. Ví dụ: tại sao trên một đất nước nhân công lao động và vật liệu xây dựng rẻ như nước Nga mà sản phẩm cuối cùng lại có giá thành cao như vậy? Một công ty xây dựng là thành viên Hiệp hội đã xây tại Orenburg một khu làng lớn vài nghìn ngôi nhà áp dụng các công nghệ sinh thái. Những ngôi nhà này được tính toán ở mức tiết kiệm, với giá cả khá hợp lý. Do vậy, xây dựng xanh không nhất thiết đòi hỏi vốn lớn, chi phí cao. Một ví dụ khác: tại vùng ngoại ô Moskva, một công ty xây dựng khác cũng là thành viên của Hiệp hội đã thiết kế một ngôi nhà từ những khối xây bằng rơm rạ, với vỏ ngoài bằng gỗ. Một m² xây như vậy không quá 15 nghìn rúp. Cục Giám định Quốc gia và Cơ quan Giám sát cháy nổ Nga đã chấp thuận đưa những ngôi nhà này vào sử dụng. Vấn đề phức tạp nhất cần giải quyết với những ngôi nhà từ loại vật liệu đặc biệt này là phòng cháy. Song vấn đề này hiện nay cũng đang được các chuyên gia Nga tích cực tìm cách giải quyết, một phần cũng bởi những tiêu chuẩn cứng nhắc thường được áp dụng trong xây dựng các nhà cao tầng sẽ không được áp dụng trong xây các biệt thự hay những ngôi nhà riêng biệt. Điều này không có nghĩa là xây dựng xanh trước hết là dành cho các vùng ngoại ô thành phố. Năng lực của xây dựng xanh đối với thị trường xây dựng ngoại ô và thị trường nhà thương mại - các văn phòng, kho bãi, cửa hàng - đều như nhau. Còn về đầu tư nước ngoài, các

dự án “xanh” luôn thu hút vốn và là ưu tiên hàng đầu. Có rất nhiều quỹ quốc tế chỉ chuyên đầu tư cho các dự án “xanh”. Tuy nhiên, tại Nga các dự án này còn ít. Trên thế giới có những tập đoàn và những công ty lớn, mà quy chế của các tập đoàn và công ty này quy định rõ: sẽ chỉ thuê hoặc mua những văn phòng “xanh”.

Về vấn đề hiện nay tại Nga có bao nhiêu dự án xây dựng sinh thái đã và đang được thực hiện, ông Gai I. cho rằng: khó mà nêu được con số chính xác. Có 6 dự án được chứng nhận đạt các tiêu chuẩn công nghiệp; và 40 dự án khác đang trong giai đoạn thực hiện. Hai năm trước, chỉ có 2 dự án được hoàn thành, và khoảng 15 dự án được đăng ký trên toàn Nga. Như vậy, con số này đã tăng lên đáng kể. Trung Quốc hiện nay đã xây dựng 800 dự án “xanh”. Người dân hoàn toàn có cơ sở để tin rằng xây dựng xanh trong tương lai không xa sẽ trở thành phổ biến tại Nga, khi giá cả của các nhà cung cấp năng lượng của Nga tiệm cận với mức giá chung của thế giới. Giá cung cấp năng lượng của Nga hiện nay tuy rẻ hơn so với nhiều nước châu Âu, song chỉ là tương đối. Chẳng hạn, tại Anh, mỗi công dân cần chi trả 1/10 mức thu nhập hàng tháng của mình cho dịch vụ cung cấp năng lượng, và Nhà nước sẽ hỗ trợ các công dân của mình. Còn tại Nga thì sao? Một viên chức trung bình mỗi tháng kiếm được 4 nghìn rúp, phân nửa trong đó đã dành cho các dịch vụ công cộng. Chính vì thế, ngày nay khả năng giảm chi phí của các nhà cung cấp năng lượng xuống 5 -10% cũng là một điều rất tốt đối với đa số người dân nước Nga.

Những hình thức cách nhiệt khác nhau; cửa sổ chất lượng; hệ thống chấn sáng để điều chỉnh lượng ánh sáng vào nhà; hệ thống tự động hóa của các tòa nhà...đều là những xu hướng có triển vọng nhất trong xây dựng xanh tại Nga. Trong các tòa nhà và cao ốc văn phòng, cuối mỗi ngày làm việc điều hòa vẫn thường hoạt động; nhiên liệu, ánh sáng vẫn được cung cấp. Công ty Haints tại Moskva có thể giảm tiêu hao trong việc cung cấp năng lượng nhờ các hệ thống tự động đã được cài đặt chương trình: các buổi chiều những hệ thống này sẽ tắt nguồn nhiên liệu cho cả tòa nhà, và sau khi thiết lập chế độ tự động cho các bộ cảm ứng, điện sẽ được tiết kiệm. Và đó cũng là một nội dung của các tiêu chuẩn xanh. Bởi vì xây dựng xanh - đó không chỉ là phương pháp mới để thu lợi nhuận, mà quan trọng là cách làm này còn thể hiện thái độ quan tâm, sự trân trọng đối với thiên nhiên xung quanh và với chính người tiêu dùng; đồng thời thể hiện khả năng tiết kiệm trong tương lai khi khai thác, vận hành các tòa nhà, các công trình. Khi đầu tư vốn cho những công nghệ xanh hiện đại, các nhà đầu tư đã có thể tính tới cả những lợi ích mà các công trình này thường xuyên mang lại - sự tiết kiệm chúng ta tiếp nhận được từ việc tận dụng phát triển sinh thái mới có ý nghĩa vĩnh cửu, trường tồn...

S.Svetlana

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 30

(27/7/2012)

ND: Lê Minh

Tình hình xây dựng môi trường và cảnh quan kiến trúc đô thị sau động đất của huyện Ván Xuyên, Tứ Xuyên - Trung Quốc

Sau trận động đất kinh hoàng xảy ra với cường độ 7,8 độ richter tại tỉnh Tứ Xuyên hồi tháng 5/ 2008, người dân nơi đây không những nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ của người dân tại các tỉnh thành trên cả nước, đồng thời còn

được một lượng lớn các kiến trúc sư, kỹ sư quy hoạch giỏi nhất trong và ngoài nước cùng chung tay khôi phục tái thiết, chỉ trong một thời gian ngắn, các chuyên gia đã tạo ra một loạt các công trình kinh điển để khôi phục lại phố

huyện như trước đây. Nội dung của bài viết này, tác giả thông qua phân tích, nghiên cứu, giới thiệu về môi trường và cảnh quan kiến trúc đô thị đối với những công trình đã hoàn thành tại khu vực bị động đất tàn phá này.

I. Môi trường và tổng thể cảnh quan kiến trúc đô thị sau động đất

1. Khôi phục tái thiết đô thị

Khu vực chịu thiệt hại nặng nề nhất trong trận động đất là huyện Vấn Xuyên, một huyện nằm ở vùng núi phía Tây, Trung Quốc, làng mạc và nhà cửa chủ yếu xây dựng dưới chân và sườn núi, sau khi động đất xảy ra gần như đã phá hủy tất cả nhà cửa, cơ sở hạ tầng, các chuyên gia lại phải chung tay khôi phục tái thiết trên nền đất cũ, trong thời gian chưa đầy 3 năm, sau khi thông qua quy hoạch, thiết kế và xây dựng, đến nay toàn huyện đã hoàn toàn được thay đổi diện mạo, môi trường và cảnh quan đô thị dường như đã từng phát triển trong nhiều thập kỷ. Điển hình là trấn Thủy Ma - huyện Vấn Xuyên, thị trấn này nằm ở sườn núi bên sông Thọ Khê, sau khi động đất xảy ra, các chuyên gia đã tiến hành tái thiết và tu sửa, đối với các kiến trúc bằng gỗ được xây dựng tại các khu phố cổ trước đây, dưới bàn tay của các chuyên gia đã được khôi phục nguyên trạng, tiếp giáp với khu phố cổ, các chuyên gia cũng thiết kế xây dựng khu nhà ở mới mang phong cách đặc trưng của dân tộc Khương. Trên tinh thần mở rộng toàn phạm vi của thị trấn, nhưng lại mang phong cách một thị trấn du lịch cổ đại, kết hợp với khu phố cổ, các chuyên gia đã biến thị trấn Thủy Ma trở thành thị trấn Thủy Ma cổ đại và trở thành điểm du lịch hấp dẫn cho các du khách; hay làng Khương- huyện Vấn Xuyên, là một ngôi làng lớn nhất và cổ nhất ở huyện Vấn Xuyên, cũng chịu thiệt hại nặng trong trận động đất, các chuyên gia đã chọn phương pháp thi công truyền thống để khôi phục nguyên trạng, sau khi khôi phục xong làng cổ sẽ là điểm tham quan và phục vụ khảo sát cho mọi dân trong huyện và trên cả nước. Một ví dụ khác là làng Đào Bình, huyện Vấn Xuyên, là ngôi làng nằm

trong danh sách quốc gia lựa chọn tiến cử để UNESCO công nhận là di sản văn hóa lịch sử, có thể nói đây là ngôi làng có nhiều nét đặc sắc nhất Trung Quốc, khi trận động đất xảy ra, nhờ có kết cấu vững chắc nên thiệt hại không đáng kể, nhưng sau trận động đất, dựa trên nền móng vốn có từ trước người ta vẫn tu sửa, đồng thời bên cạnh ngôi làng này, người ta lại xây thêm một ngôi làng Khương mới, với cách làm này đang từng bước làm cho môi trường và cảnh quan làng Đào Bình trở nên phong phú hơn. Khi kết hợp giữa làng Đào Bình và làng Khương lại với nhau, về mô hình kiến trúc, kết cấu vật liệu và xử lý màu sắc, đều có rất nhiều điểm tương đồng. Tổng thể diện mạo mang đậm nét đặc sắc dân tộc và nét đặc trưng của địa phương, có thể xem đây là mô hình phát triển để trở thành khu danh lam thắng cảnh mang đậm nét cổ kính, vừa bảo tồn được văn hóa, vừa nâng cao thu nhập cho người dân. Trong trận động đất này, thị trấn Ánh Tú - huyện Vấn Xuyên là chịu thiệt hại nặng nề nhất, sau động đất, phần lớn nhà cửa bị đổ nát hoàn toàn, các chuyên gia đã tiến hành quy hoạch thị trấn này trở thành thôn trấn hiện đại, đồng thời kết hợp với phong cách đặc trưng truyền thống của vùng dân tộc thiểu số. Trong quá trình cải tạo và xây dựng các tòa nhà, các chuyên gia đặc biệt chú trọng tới màu sắc thiết kế, kết hợp hài hòa với nhiều yếu tố khác nhau của các dân tộc Khương, Hán và Tạng, sau khi đã hoàn thành xây dựng, thị trấn Ánh Tú đã có đầy đủ các chức năng, môi trường xanh sạch đẹp, phong cách đa dạng, hài hòa, ngày nay đã trở thành một trong những điểm tham quan mới trong khu vực.

2. Tái thiết toàn bộ cảnh quan kiến trúc đô thị

Sau khi động đất xảy ra, chỉ có một số ít kiến trúc của huyện Vấn Xuyên là có thể tái thiết, bởi nếu tái thiết toàn bộ, sẽ phải đầu tư một lượng lớn tiền của. Như thị trấn Bắc Xuyên cũ, cũng chịu thiệt hại nặng sau động đất, hơn nữa vị trí địa lý Bắc Xuyên cũ cũng không còn phù hợp

cho cuộc sống của người dân, cả thị trấn đã chuyển đến khu vực có địa hình bằng phẳng nằm lân cận, đây là khu vực có môi trường tương đối tốt, người ta đã bắt tay vào quy hoạch xây dựng mới, bao quanh khu vực mới này là núi non trùng điệp, phong cảnh đẹp, dựa theo yêu cầu quy hoạch, các chuyên gia đã xây dựng Bắc Xuyên mới kết hợp hài hòa với văn hóa lịch sử trong khu vực, địa hình, địa mạo và môi trường, đáp ứng đầy đủ mọi chức năng. Sau khi thị trấn mới xây dựng xong, đã thể hiện được nét đặc sắc và văn hóa dân tộc Khương, mọi chức năng trong phố huyện đều hoàn thiện, giao thông thuận lợi, môi trường xanh sạch, đến nay Bắc Xuyên mới đã trở thành một điểm du lịch của tỉnh Tứ Xuyên.

II. Môi trường và cảnh quan kiến trúc nhà ở sau thảm họa

1. Tái thiết cảnh quan kiến trúc nhà ở

Sau khi thảm họa xảy ra tại huyện Vấn Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên, phần lớn các kiến trúc nơi đây đều bị phá hủy, nhờ có sự hỗ trợ của chính phủ và người dân trên cả nước, nhiều khu vực đã có thay đổi lớn hoặc thay đổi toàn bộ diện mạo. Trong lần thảm họa này, các kiến trúc bị phá hủy chủ yếu nằm ở vùng dân tộc thiểu số, do đó, khi xây dựng nhà ở, người ta phải kết hợp với văn hóa truyền thống của dân tộc thiểu số, hình thức xây dựng phải thể hiện được phong cách đặc trưng truyền thống của dân tộc Hán, Khương, Tạng, hòa hợp các phong cách lại với nhau, tạo ra những tác phẩm kinh điển, như tiểu khu Tú Bình ở thị trấn Ánh Tú, người ta đã thực hiện phân làn đường cho người và xe, toàn bộ nhà ở trong tiểu khu kết hợp phong cách của dân tộc Hán, Khương và Tây Tạng, trong tiểu khu nhà ở thiết kế cả khuôn viên cây xanh, sân tập thể thao, toàn bộ bố cục xây dựng mang đậm nét dân tộc thiểu số, nhưng lại đảm bảo đầy đủ các chức năng. Hay như khu ở mới mang phong cách dân tộc Khương ở thị trấn Thủy Ma, người ta bố trí xây dựng nhà ở trên sườn núi, kết hợp với địa hình trùng điệp, màu sắc và hình dáng kiến trúc

mang phong cách dân tộc Khương, đồng thời phong cách xây dựng nhà ở còn được kết hợp với nghệ thuật trạm khắc; hay như trong quá trình xây dựng khu nhà ở ở thị trấn Bắc Xuyên mới, người ta đã kết hợp màu sắc và hình dáng đặc trưng của dân tộc Khương, chức năng của thị trấn hoàn toàn dựa trên yêu cầu đối với một tiểu khu nhà ở hiện đại, phân làn đường, vườn hoa cây xanh, có các tiểu phẩm điêu khắc, không gian được bố trí có trình tự, mang lại cảm giác thư thái, thoải mái, không khí trong lành, nổi bật phong cách đặc trưng.

2. Tu sửa cảnh quan kiến trúc nhà ở

Sau thảm họa động đất, ngoài việc phải xây dựng mới một lượng lớn nhà ở, còn lại một loạt các kiến trúc hư hại ở các cấp độ khác và một bộ phận di sản lịch sử, khu dân cư đặc biệt chịu thiệt hại không nhỏ, người ta đã tiến hành thay đổi và tu sửa bộ phận kiến trúc này, đây cũng là việc làm khá quan trọng cần phải nhanh chóng xử lý sau thảm họa. Trong đó, để xử lý nhất vẫn là khu phố cổ ở thị trấn Thủy Ma, kiến trúc vốn có của nó đều được làm bằng gỗ, mặc dù sau động đất cũng chịu thiệt hại ở các mức độ khác nhau, nhưng kế hoạch được vạch ra là chỉ cần tu sửa trả về nguyên trạng, đảm bảo được phong cách truyền thống của khu phố cổ như trước đây, đến nay, khu phố này đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn cho khách tham quan.... Hay ở làng Khương, một làng cũng chịu nhiều thiệt hại sau động đất, người ta đã tiến hành tu sửa theo đúng diện mạo truyền thống, đối với hạ tầng giao thông, người ta đã trùng tu và lắp đặt đèn đường dùng năng lượng mặt trời, sau khi được khôi phục, làng Khương giống như một bảo tàng để du khách đến tham quan và học hỏi.

III. Môi trường và cảnh quan công trình công cộng sau thảm họa động đất

1. Tiêu chí đối với cảnh quan công trình công cộng

Sau động đất, Vấn Xuyên không những đưa ra nhiều tiêu chí về xây dựng, mà còn tiến hành thay đổi lại tiêu chí xây dựng vốn có từ trước

trong khu vực. Trong đó, tiêu biểu nhất là thị trấn Thủy Ma, Vấn Xuyên, người ta đã trạm khắc lên các ngôi nhà trong khu phố cổ, kết hợp kiểu trạm khắc của dân tộc Khương với kiểu xây lầu tháp của dân tộc Hán, trở thành cảnh quan và tiêu chí quan trọng của địa phương, cũng là điểm tham quan cho các du khách. Đối với khu nhà ở mới tại thị trấn Thủy Ma, cũng được xây dựng theo nét đặc trưng của dân tộc Khương, kiểu điêu khắc tại cổng vào cũng chính là tiêu chí và cảnh quan.

2. Cảnh quan cầu đường, sông nước, cây xanh

Trận động đất xảy ra tại Vấn Xuyên không những chỉ tàn phá nhà cửa, mà còn phá hủy các cơ sở hạ tầng ở nhiều cấp độ khác nhau. Trong kế hoạch tái thiết xây dựng, người ta cũng chú trọng nhiều đến các cơ sở hạ tầng, trong đó điển hình là cây cầu Vũ Vương của thị trấn Bắc Xuyên mới, nhờ có cảnh quan hùng vĩ bao quanh, cùng với sự kết hợp hài hòa giữa thành cầu và thân cầu, khi đứng trên nó luôn có

cảm giác được hòa mình cùng với thiên nhiên, ngày nay cây cầu này cũng trở thành một trong những điểm tham quan không thể thiếu của khách du lịch. Hay ở thị trấn cổ Thủy Ma, người ta đã xây dựng rất nhiều cây cầu mới với hình thức điêu khắc của dân tộc Khương, tạo ra môi trường và cảnh quan với phong cách mới. Hiện nay cảnh quan và môi trường của huyện Vấn Xuyên, có thể nói là ngày càng được nhiều người quan tâm. Như cảnh quan sông nước ở thị trấn Bắc Xuyên mới, mặc dù không được con người tu tạo nhiều, nhưng hệ sinh thái của dòng sông vẫn đẹp một cách nguyên sơ, hoa cỏ đều nhận được sự bảo vệ và chăm sóc của con người, cùng với môi trường không khí trong lành, đã thể hiện nét đặc sắc của thị trấn Bắc Xuyên mới./

Hàn Vĩ Cường

Nguồn: Tạp chí xây dựng Đô thị và Nông thôn số 5/2012

ND: Bích Ngọc

Tổng hội Xây dựng Việt Nam kỷ niệm 30 năm thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba (lần thứ II)

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2012



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu tại buổi Lễ



Chủ tịch Tổng hội XĐVN Trần Ngọc Hùng thay mặt Tổng hội XĐVN đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Ba